

Số: 1330/2025/TTr-HĐQT-XNK

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ĐHCĐ thường niên năm 2025 xem xét, thông qua một số nội dung

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Hàng không

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua một số nội dung sau:

1. Chương trình Đại hội:

Có Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần XNK Hàng không kèm theo.

2. Quy chế làm việc của Đại hội:

Có Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần XNK Hàng không kèm theo.

3. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán:

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

• Tổng tài sản (31/12/2024)	:	172.275.408.667 đồng
• Vốn chủ sở hữu (31/12/2024)	:	38.579.395.710 đồng
• Tổng doanh thu (01/01/2024 - 31/12/2024)	:	330.657.630.393 đồng
• Lợi nhuận trước thuế (01/01/2024 - 31/12/2024)	:	6.036.365.263 đồng

Các số liệu chi tiết được ghi tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán.

4. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024:

Bảng tổng hợp một số chỉ tiêu SXKD cơ bản thực hiện năm 2024

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	253.702	330.658	130,33%
Tổng chi phí	247.981	324.621	130,91%
Lợi nhuận trước thuế	5.721	6.036	105,51%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện so với kế hoạch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.577	4.772	104,26%
Mức chia cổ tức dự kiến	10%/VĐL	0%/VĐL	0,00%
Tổng mức đầu tư (giá trị giải ngân)	5.700	1.026	18,00%

5. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2025

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	KH 2025 so với TH 2024
Tổng doanh thu	330.658	275.162	83,22%
Tổng chi phí	324.621	268.558	82,73%
Lợi nhuận trước thuế	6.036	6.604	109,41%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.772	5.242	109,85%
Mức chia cổ tức dự kiến	0%/VĐL	10%/VĐL	-
Tổng mức đầu tư (giá trị giải ngân)	1.026	6.700	653,02%

Các số liệu chi tiết và diễn giải được nêu tại Kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty gửi kèm theo Tờ trình của HĐQT Công ty trình ĐHCĐ thường niên năm 2025.

6. Báo cáo của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2025:

Có báo cáo của HĐQT kèm theo.

7. Báo cáo của HĐQT trình ĐHCĐ về Định hướng hoạt động SXKD của Công ty 5 năm, giai đoạn 2025-2030.

Có báo cáo về Định hướng hoạt động SXKD của Công ty 5 năm, giai đoạn 2025-2030 kèm theo.

8. Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 của Công ty:

Có báo cáo của BKS kèm theo.

9. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Có Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 kèm theo.

10. Chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

Có báo cáo thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2024, đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2025 kèm theo.

11. Báo cáo về việc trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025:

Có báo cáo về việc trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025 kèm theo.

Các tài liệu có liên quan đến những nội dung trên xin được gửi kèm theo Tờ trình này. Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, T/K Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu

C.T.C.P.
HÀ NỘI

BÁO CÁO

1. Thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2024;
 2. Đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2025.
- (Báo cáo kèm theo Tờ trình số: 1330 /2025/TTr-XNK ngày 28 /03/2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 ngày 24/04/2024 về mức thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2024;

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 203/NQ-HĐTV/TCTHK ngày 26/01/2015 và Chỉ thị số 598/CT-TCTHK-BĐT ngày 11/03/2015 của HĐQT Tổng công ty HKVN về việc xác định thù lao của các Công ty liên doanh cổ phần có vốn góp của Tổng công ty HKVN.

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ Công ty về việc thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2024 và đề nghị tổng mức chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2025 như sau:

1. Thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2024:

- Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát: 3.450.000 đồng/người/tháng;
- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.890.000 đồng/người/tháng.

Tổng cộng: 333.480.000 đồng.

Công ty đã thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2024 đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2024.

2. Đề nghị mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025:

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua mức chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2025 như sau:

- Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát: 3.450.000 đồng/người/tháng;
- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.890.000 đồng/người/tháng.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

(Phương án kèm theo Tờ trình số: 1330/2025/TTr-HĐQT-XNK ngày 28/03/2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2024 của Công ty là	6.036.365.263 đ;
- Thuế TNDN phải nộp năm 2024:	1.264.512.054 đ;
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN:	4.771.853.209 đ;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế và 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch)	516.155.963 đ;
<i>Trong đó: + Quỹ khen thưởng: 103.231.193 đ</i>	
<i>+ Quỹ phúc lợi: 412.924.770 đ</i>	
- Trích quỹ thưởng người quản lý (1 tháng lương, thù lao thực hiện 2024 của Ban điều hành, TV HĐQT và TV BKS)	282.373.333 đ;
<i>(Phương án thưởng cụ thể đề nghị ĐHCĐ giao HĐQT xem xét quyết định)</i>	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024:	3.973.323.913 đ;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối những năm trước còn lại:	1.211.304.496 đ;
Tổng LN sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2024:	5.184.628.409 đ;
- Đề nghị không chi trả cổ tức năm 2024	0 đ;
- Lợi nhuận còn lại chưa chia là	5.184.628.409 đ;

Kính đề nghị ĐHCĐ Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số: 1318/2025/BC-XNK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

V/v: Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT
thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Để tạo thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025 như sau:

1. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các hợp đồng, giao dịch có giá trị giao dịch từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ, trên cơ sở đánh giá rủi ro, đảm bảo an toàn cho Công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các giao dịch của Công ty thực hiện trong năm 2025 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026.

Đính kèm Báo cáo này là Phụ lục giao dịch với các bên liên quan dự kiến thực hiện trong năm 2025 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026.

Đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TGD; BKS;
- Lưu: VT.





PHỤ LỤC CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 ĐẾN THỜI ĐIỂM
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÔNG TY NĂM 2026
(Đính kèm theo Báo cáo số 1318 /2025/BC-XNK ngày 28 / 03 /2025)

Stt	Đối tác giao dịch	Nội dung giao dịch
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (và các công ty con của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP)	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



HỢP ĐỒNG

V/v: Cung cấp trang thiết bị mặt đất sân bay

(Kèm theo Báo cáo số: 1318 /2025/BC-HĐQT-XNK, ngày 28/03 /2025)

....., ngày ____/____/2025

Hợp đồng số: _____.

Gói thầu: _____.

Thuộc dự án: _____

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số: ____/BB-TTHĐ ngày ____/____/2025;
- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ..... ngày ____/____/2025 của _____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “_____” thuộc dự án: “_____”;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2025 tại Văn phòng _____, chúng tôi gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____.

Địa chỉ: _____.

Tel: _____

Fax: _____.

Tài khoản VNĐ: _____.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: _____.

Đại diện là ông: _____ – Chức vụ: _____.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84-24-38271939

Fax: +84-24-38271925

Tài khoản VNĐ: 116000183516 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: 0100107934.

Đại diện là ông: _____ – Chức vụ: _____.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ được nêu chi tiết tại phần phạm vi cung cấp trong Phụ lục hợp đồng số _____.

- Tên hàng: _____ (sau đây còn được gọi là “hàng/hàng hóa/thiết bị”);
- Chất lượng: _____ cung cấp theo hợp đồng này phải là thiết bị hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, chưa qua sử dụng; được nhiệt đới hóa, không bị khuyết tật và phải được tra dầu mỡ đầy đủ để có thể sẵn sàng khởi động đưa vào vận hành khai thác ngay. Thiết bị khi vận hành phải đảm bảo đạt được hết các yêu cầu và thông số kỹ thuật quy định trong E-HSMT, E-HSDT, các tài liệu của hợp đồng và các điều khoản khác của hợp đồng để đáp ứng đúng mục đích sử dụng của Bên A;
- Hãng sản xuất - Xuất xứ của thiết bị: _____;
- Năm sản xuất: _____;
- Số lượng: _____ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm.
- * Chi tiết về chủng loại, model, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của thiết bị được nêu trong thành phần hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1 Văn bản hợp đồng;
- 2.2 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 2.3 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.4 E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu;
- 2.5 E-HSMT;
- 2.6 Các tài liệu của hợp đồng gồm:
 - Phụ lục hợp đồng số _____: Bảng giá và phạm vi cung cấp; Bảng cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nhà thầu; Tài liệu kỹ thuật giới thiệu quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của _____; Thông tin xuất hóa đơn; Danh mục phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất kèm theo mỗi _____.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- 3.1 Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- 3.2 Cử người tiếp nhận hàng tại kho của Bên A theo quy định hợp đồng;
- 3.3 Giám sát Bên B thực hiện việc lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị tại hiện trường;
- 3.4 Cử nhân viên tham gia hướng dẫn sử dụng tại hiện trường;

3.5 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- 4.1 Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ đi kèm như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng này;
- 4.2 Cung cấp hàng hóa tại kho của bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng, đảm bảo đúng thời hạn, đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, chất lượng và thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định;
- 4.3 Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ và tài liệu kèm theo thiết bị như hợp đồng quy định;
- 4.4 Thực hiện việc lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh (nếu có), nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đảm bảo đúng thời gian và yêu cầu kỹ thuật quy định trong hợp đồng;
- 4.5 Tổ chức hướng dẫn sử dụng tại hiện trường theo quy định của hợp đồng;
- 4.6 Bảo hành thiết bị theo quy định của hợp đồng;
- 4.7 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng, phương thức thanh toán và thông tin xuất hóa đơn

5.1 Giá hợp đồng:

Tổng trị giá hợp đồng là: _____ (**Bảng chữ:** _____), giá này là giá trọn gói cung cấp _____ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm giao tại kho của đơn vị sử dụng của Bên A tại _____ đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước và tất cả các chi phí khác có liên quan.

* Chi tiết như nêu trong phụ lục số _____ của hợp đồng.

Hợp đồng này là hợp đồng trọn gói. Trị giá của hợp đồng là cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, bên A sẽ không phải trả bất cứ một khoản chi phí nào khác cho bên B trừ khi có thỏa thuận đồng ý bằng văn bản của cả hai bên.

5.2 Phương thức tạm ứng và thanh toán:

Bên A tạm ứng và thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như sau:

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng.....% tổng trị giá hợp đồng (_____ VND - **Bảng chữ:** _____) cho Bên B trong vòng ngày làm việc sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ tạm ứng hợp lệ như sau:
 - + Văn bản đề nghị tạm ứng do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị tạm ứng);
 - + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B;
 - + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B.
- Thanh toán tối đa 02 đợt như sau:
 - + Đợt 1: Bên A thanh toán% giá trị hợp đồng sau khi Bên A thu hồi toàn

bộ 100% giá trị tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc sau khi các bên liên quan ký Biên bản giao nhận hàng và Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa đưa vào sử dụng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
 - Hóa đơn GTGT của Bên B gồm: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/ Đơn vị sử dụng ;
 - Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Biên bản giao nhận hàng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
 - Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
 - Bảo lãnh bảo hành: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B.
- + Đợt 2: Bên A thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng sau khi khấu trừ các khoản phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại (nếu có) trong vòng ngày làm việc sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:
- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
 - Biên bản thanh lý hợp đồng: 06 bản gốc.

5.3 Thông tin xuất hóa đơn:

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn trực tiếp cho các đơn vị sử dụng của Bên A là _____ theo số lượng thiết bị cung cấp cho mỗi đơn vị sử dụng (Chi tiết về thông tin xuất hóa đơn được nêu tại Mục “Thông tin xuất hóa đơn” trong Phụ lục số _____ của hợp đồng).

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

- 6.1 Tổng thời gian Bên B thực hiện các công việc theo quy định hợp đồng: là _____ ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, Tết và ngày nghỉ; nhưng không bao gồm thời gian chờ Bên A bố trí kho bãi, địa điểm tiếp nhận thiết bị, bàn giao mặt bằng lắp đặt; thời gian kiểm tra, chấp thuận, phê duyệt/chấp thuận đối với các nội dung cần được Bên A phê duyệt/chấp thuận theo quy định của Hợp đồng hoặc các thời gian bị trì hoãn khác theo yêu cầu của Bên A; các trường hợp bất khả kháng; thời gian bảo hành), thời gian này bao gồm tất cả các khoảng thời gian cần thiết để Bên B thực hiện các công việc theo quy định của Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn thời gian cần thiết để hoàn thành việc nhập khẩu, thông quan, kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, lưu

kho/bãi, vận chuyển, bốc/dỡ và bàn giao hàng hóa đến hiện trường tại các địa điểm giao hàng theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng; lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị, hướng dẫn sử dụng tại hiện trường, v.v...

- 6.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu Bên A xem xét gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên B chứng minh rằng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ bị chậm trễ do một hoặc nhiều lý do sau đây:
- Tạm ngưng thực hiện hợp đồng theo quyết định của Bên A;
 - Bất khả kháng theo quy định của Hợp đồng;
 - Do bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào của Bên A, nhân sự hoặc nhà thầu khác mà Bên A chịu trách nhiệm;
 - Các trường hợp cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác được quy định cụ thể theo Hợp đồng này.
- 6.3 Trường hợp Bên B không được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 6.2 Điều này, Bên B, bằng chi phí của mình, phải ngay lập tức bắt đầu và thực hiện tất cả các bước cần thiết để khắc phục sự chậm trễ đảm bảo đúng thời gian thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành

7.1 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

7.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng

7.3 Bảo lãnh bảo hành

Điều 8. Giao hàng, lắp ráp, chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng; hướng dẫn sử dụng và thanh lý hợp đồng

8.1 Giao hàng:

Mặc cho trường hợp không có ghi chú đầy đủ từng chi tiết về qui cách kỹ thuật, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được giao hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, được trang bị đầy đủ các bộ phận, phụ kiện mà thông thường các nhà sản xuất phải cung cấp theo tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực thiết bị loại này.

Bên B chịu trách nhiệm giao toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng đến kho của Bên A tại _____.

Các chứng từ, tài liệu kèm theo hàng gồm:

- Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Tài liệu kỹ thuật kèm theo mỗi thiết bị gồm: Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo

10
NC
P
NH
NG
BIẾT

trì/sửa chữa; Tài liệu tra cứu các phụ tùng: 01 bộ (mỗi bộ gồm 01 bản gốc và 02 bản copy kèm 03 USB chứa bản soft copy tài liệu kỹ thuật).

Trước ngày giao hàng ít nhất là 05 ngày, Bên B phải có văn bản thông báo về kế hoạch giao hàng cùng những thông tin cần lưu ý khác (nếu có) để Bên A chuẩn bị kiểm tra và nhận hàng.

Khi giao hàng Bên B phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa để Bên A làm cơ sở kiểm tra và nhận hàng. Trường hợp chứng từ, tài liệu yêu cầu kèm theo hàng hóa là bản chụp thì bên B phải cung cấp bản chính để đối chiếu (trừ Tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp). Biên bản giao nhận hàng sẽ được ký sau khi các bên kiểm tra đầy đủ hàng hóa cùng các hồ sơ và tài liệu kèm theo đúng theo yêu cầu của hợp đồng.

Bên A có quyền từ chối ký Biên bản giao nhận hàng trong trường hợp hàng hóa không đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, ... hoặc thiết bị không đạt yêu cầu về chất lượng, hoặc chứng từ không đầy đủ, không đúng như hợp đồng quy định.

8.2 Lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh:

Ngay sau khi giao hàng đến kho của Bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều này, Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ của nhà sản xuất) đến hiện trường tại _____ để tiến hành lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật của thiết bị (nếu có) tại từng hiện trường.

Sau khi lắp ráp xong, Bên B sẽ tiến hành chạy thử, kiểm tra, nếu các thông số kỹ thuật của thiết bị một phần hoặc hoàn toàn không đạt yêu cầu của hợp đồng, thì Bên B phải thực hiện việc hiệu chỉnh và/hoặc thay thế bằng chi phí của mình để thiết bị đạt được các thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định trong thời gian sớm nhất có thể. Thời gian khắc phục hoặc đổi thiết bị không được loại trừ khỏi tổng thời gian thực hiện hợp đồng.

8.3 Hướng dẫn sử dụng:

Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ được phép huấn luyện của nhà sản xuất) đến hiện trường tại _____ để thực hiện việc hướng dẫn sử dụng cho các nhân viên của đơn vị sử dụng về vận hành, bảo trì và xử lý sự cố thiết bị trong thời gian tối thiểu ____ ngày làm việc tại đơn vị sử dụng. Yêu cầu phải có chương trình hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ tài liệu kỹ thuật thiết bị phục vụ cho công tác hướng dẫn sử dụng. Bên B phải chịu trách nhiệm về những rủi ro mà nhân viên tham dự khoá hướng dẫn sử dụng có thể gây ra đối với thiết bị nếu chương trình đào tạo của Bên B không phù hợp.

Mọi chi phí đi lại, ăn ở, vé máy bay khứ hồi, bảo hiểm, v.v... cho chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của Bên B trong thời gian làm việc tại hiện trường do Bên B chi trả;

Sau khi hoàn thành hướng dẫn sử dụng, Bên B phải đảm bảo các học viên của Bên A có thể vận hành, bảo trì, xử lý sự cố thiết bị một cách thành thạo và có Biên bản kết quả hướng dẫn sử dụng, đồng thời bên B cấp giấy chứng nhận huấn luyện của hãng sản xuất thiết bị cho các nhân viên tham gia khoá huấn luyện.

8.4 Nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị (nếu có) và hoàn tất việc hướng dẫn sử dụng, các bên sẽ cùng tiến hành nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng trên cơ sở hợp đồng hai bên ký kết. Đại diện các bên sẽ lập và ký Biên bản

nghiệm thu kỹ thuật thiết bị bàn giao đưa vào sử dụng để xác nhận chất lượng, các thông số kỹ thuật của thiết bị và việc hướng dẫn sử dụng đúng theo quy định tại hợp đồng.

8.5 Thanh lý hợp đồng:

Sau khi ký các Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng của tất cả các thiết bị cung cấp theo hợp đồng và Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành hợp lệ thì hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 9. Bảo hành

- 9.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành _____ tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại hiện trường tại đơn vị sử dụng cho tất cả các hàng hoá cung cấp theo hợp đồng này kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian thiết bị hư hỏng không hoạt động được do lỗi của nhà sản xuất hoặc chưa nghiệm thu được do lỗi thuộc về phía Bên B gây ra.
- 9.2 Trong thời gian bảo hành nếu thiết bị xảy ra sự cố hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định hoặc bất kỳ bộ phận nào của thiết bị bị hư hỏng hoặc có biểu hiện hư hỏng/khuyết tật bất kể lỗi của bên nào, thì Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B bằng điện thoại, fax hoặc e-mail; trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải cử chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường để kiểm tra, xác nhận sự cố và tìm biện pháp khắc phục sự cố; thời gian khắc phục sự cố trong vòng từ 01 - 03 ngày kể từ ngày chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường đối với những hư hỏng có thể khắc phục tại chỗ. Đối với những hư hỏng cần phải gửi các bộ phận, linh kiện từ Hãng sản xuất sang để thay thế hoặc gửi các bộ phận hư hỏng sang Hãng sản xuất kiểm tra, sửa chữa thì thời gian khắc phục sự cố là 07 - 14 ngày kể từ ngày Bên A thông báo hư hỏng. Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu và các chi phí liên quan đến việc bảo hành này. Về phần lỗi, trách nhiệm có liên quan sẽ được 2 bên xác định cụ thể sau đó và chi phí liên quan sẽ do bên có lỗi chi trả.
- 9.3 Trong thời gian bảo hành Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa và/hoặc thay thế miễn phí mọi hư hỏng của thiết bị do lỗi sản xuất hoặc Bên B gây ra. Nếu hư hỏng được xác định là do lỗi của đơn vị sử dụng thì Bên A sẽ thanh toán các chi phí sửa chữa và/hoặc thay thế này.
- 9.4 Trường hợp Bên B không hoặc không kịp xử lý được các hư hỏng và khuyết tật trong thời hạn quy định tại Khoản 9.2 Điều này, Bên A, sau khi thông báo cho Bên B, có quyền tự lo sửa chữa, thay thế với mọi phí tổn do Bên B chịu mà vẫn không giải trừ cho Bên B những nghĩa vụ trong điều khoản bảo hành này. Số tiền thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục những sự cố này được Bên B hoàn trả lại bằng chuyển khoản cho Bên A đồng thời Bên A có quyền tước thu bảo lãnh bảo hành trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành như trên.
- 9.5 Bên B cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế khi Bên A có yêu cầu trong thời gian ít nhất 10 năm sau ngày hết hạn bảo hành với chi phí do Bên A chi trả.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng

- 10.1 Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng, nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì phải chịu phạt với mức phạt bằng 0,1% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày lịch vi phạm. Tuy nhiên tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Phạt vi phạm hợp đồng được áp dụng trong trường hợp sau:

- Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng (căn cứ kết quả nêu tại Biên bản thanh lý hợp đồng);
 - Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng;
 - Bên B thực hiện không đúng một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn các vi phạm: giao hàng không đầy đủ; không đúng chủng loại, model, xuất xứ, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật, chất lượng như hợp đồng quy định dẫn đến phải chờ xử lý, giải quyết hoặc chờ đổi hàng mới làm kéo dài thời gian giao hàng hoặc chứng từ và tài liệu cung cấp theo hàng không đúng, không đầy đủ như hợp đồng quy định; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị không đạt yêu cầu của hợp đồng,... dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng);
 - Bên B vi phạm các nghĩa vụ bảo hành hoặc thực hiện nghĩa vụ bảo hành chậm hoặc chậm trễ giải quyết khiếu nại của bên A so với quy định hợp đồng.
- 10.2 Trường hợp khi Bên B có những sự việc, gây ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của mình, xảy ra nằm ngoài khả năng giải quyết hoặc kiểm soát của Bên B, thì Bên B phải kịp thời thông báo cho Bên A bằng văn bản. Bên A sẽ trả lời cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B. Việc phạt/ miễn phạt hợp đồng sẽ do Bên A quyết định căn cứ trên các văn bản thông báo, đồng ý của hai bên.
- 10.3 Trường hợp bên B đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc tự ý hủy hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A, hoặc không thực hiện toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng) sẽ phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 8% tổng giá trị hợp đồng và phải bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại phát sinh gây ra cho bên bị vi phạm (nếu có) bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của bên kia.
- 10.4 Nếu Bên A chậm thanh toán sẽ phải trả thêm khoản tiền theo lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 trên số tiền chậm thanh toán.
- 10.5 Việc thanh toán tiền phạt phải được thực hiện bằng chuyển khoản hoặc khấu trừ vào trị giá của hợp đồng khi Bên A thông báo cho Bên B. Tuy nhiên vẫn không giải trừ cho bên vi phạm khỏi những nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng.

Điều 11. Trường hợp bất khả kháng

- 11.1 Các bên sẽ được giải trừ trách nhiệm của mình về trường hợp không thi hành một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng nếu như việc không thi hành này gây ra bởi các sự kiện bất khả kháng.
- 11.2 Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của bên bị tình trạng bất khả kháng tác động và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận hoặc các trường hợp bất khả kháng khác.

- 11.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện bất khả kháng, thời điểm khởi đầu và kết thúc sự kiện bất khả kháng, đồng thời cung cấp cho bên kia hồ sơ xác nhận chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một cơ quan tổ chức có đầy đủ chức năng và thẩm quyền theo pháp luật tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.
- 11.4 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục 150 ngày, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trong trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài nói trên, Bên A bảo lưu quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng và áp dụng quy định tại Điều 12 của hợp đồng.

Điều 12. Chấm dứt hợp đồng

12.1 Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

- Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.
- Một trong các Bên bị giải thể hoặc phá sản.
- Chấm dứt hợp đồng do điều kiện bất khả kháng theo quy định hợp đồng.
- Một trong các bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo quy định của Hợp đồng.
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên.

12.2 Bên A có thể đơn phương chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B giao hàng trễ hơn 150 ngày kể từ ngày hết thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này (kể cả trong trường hợp bất khả kháng).
- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng (trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng) trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A.

12.3 Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng

- Nếu Bên B thuộc vào các trường hợp quy định tại Khoản 12.2 Điều này (ngoại trừ trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng trễ hơn 150 ngày do sự kiện bất khả kháng), Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng thanh toán cho Bên A toàn bộ số tiền bảo lãnh. Ngoài ra, Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả số tiền phạt vi phạm theo quy định tại Điều 10 của hợp đồng và bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Bên B.
- Trong trường hợp Bên A chấm dứt một phần Hợp đồng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị phần công việc thực hiện sau khi trừ đi giá trị tạm ứng.
- Nếu hợp đồng chấm dứt thuộc trường hợp bất khả kháng, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết các hậu quả khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

13.1 Xử lý tranh chấp:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề tranh chấp xảy ra hai bên sẽ trực tiếp thảo luận tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác.

Trong trường hợp thảo luận không đạt kết quả thì vấn đề sẽ được trình lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.

13.2 Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, các Bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào tạm ngưng hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng giữa các Bên.

Điều 14. Điều khoản chung

14.1 Các thành phần của hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng như nêu tại Điều 2 của hợp đồng cũng như các tài liệu khác được hai bên ký xác nhận và nêu trong hợp đồng này sẽ là bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

14.2 Mọi thay đổi hoặc tu chỉnh đối với hợp đồng này phải được viết thành văn bản và do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu mới có giá trị hiệu lực.

14.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B; và hết hiệu lực theo quy định tại Điều 12 của hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập gồm 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 08 bản và Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đặt thảo

HỢP ĐỒNG KHUNG MUA BÁN HÀNG HÓA

(Kèm theo Báo cáo số: 1318/2025/BC-HĐQT-XNK, ngày 28/08 /2025)

[Tên hàng hóa]

Số:/ARM.....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên Mua (Bên A):

Địa chỉ: .

Điện thoại: Fax:

Đại diện: Chức vụ:

(Theo Quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng giám đốc tại QĐ số ... ngày)

Bên Bán (Bên B): CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 38271939

Fax: (024) 38271925

Đại diện: Ông

Chức vụ:

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán (Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng hóa, đơn giá hàng hóa

Đvt: VNĐ

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Đơn giá (chưa có VAT)
1				

- 1.1 Đơn giá hàng hóa của Hợp đồng là giá giao tại kho của Bên A tại sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, bao gồm đơn giá chưa VAT và thuế VAT, trong đó:
 - Đơn giá chưa VAT là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện HĐ;
 - Thuế VAT có thể thay đổi theo các quy định của Nhà Nước và áp dụng từ ngày các quy định có hiệu lực.
- 1.2 Số lượng, giá trị hàng hóa giao nhận thực tế sẽ quy định cụ thể tại Đơn đặt hàng (PO) và là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Tổng số lượng gọi hàng của các đơn đặt hàng (P/O) không vượt quá [số lượng hợp đồng]
- 1.3 [Bên B chấp nhận có thể dừng Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên A không còn nhu cầu sử dụng mặt hàng nêu trên sau ngày [ngày]. Trong trường hợp Bên A muốn dừng Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B tối thiểu 30 ngày trước thời điểm dừng Hợp đồng.]

Điều 2. Qui cách, chất lượng sản phẩm, đóng gói

- 2.1 Quy cách, chất lượng sản phẩm: Theo đúng mẫu sản phẩm của mặt hàng được hai Bên ký xác nhận. Ngoài ra, sản phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu sau của Bên A:
[Quy cách kỹ thuật]
- 2.2 Bên B chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách chất lượng hàng hóa.
- 2.3 Bên B chịu trách nhiệm về việc hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn do cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam quy định.
- 2.4 Quy cách đóng gói:
a) Cách thức đóng gói:
b) Yêu cầu thùng carton: ...

Điều 3. Giao nhận

- 3.1 Thời gian cung cấp hàng hóa: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- 3.2 Địa điểm và phương thức giao nhận:
a) Bên B giao hàng cho Bên A tại kho của Bên A ở sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.
b) Mọi chi phí phát sinh liên quan đến vận chuyển, bốc dỡ hàng từ phương tiện vận chuyển của Bên B đến cửa kho của Bên A do Bên B chịu.
c) Mọi chi phí liên quan đến việc ra vào sân đỗ, soi chiếu an ninh (bao gồm cả chi phí bốc xếp lên/ xuống máy soi chiếu) do đơn vị tiếp nhận hàng hóa chịu nếu kho của đơn vị tiếp nhận hàng hóa nằm trong khu vực hạn chế của sân bay.
- 3.3 Đơn vị Bên A kiểm tra và tiếp nhận hàng hóa: Công ty ...
- 3.4 Số lượng và kế hoạch giao hàng:
a) Số lượng và kế hoạch giao hàng được qui định cụ thể tại từng Đơn đặt hàng (PO).
b) Công ty ... là đầu mối thay mặt bên A cung cấp kế hoạch nhận hàng hàng tháng và triển khai Đơn đặt hàng (PO). Đơn đặt hàng (P/O) gửi đến Bên B trước thời điểm cần nhận hàng 30 ngày.
c) Mọi thay đổi về kế hoạch giao hàng của PO sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng email ít nhất 07 ngày trước ngày nhập hàng.
d) Trường hợp có phát sinh tăng số lượng đặt hàng, Bên A sẽ triển khai đơn đặt hàng (PO) bổ sung cho Bên B kèm theo dự kiến về thời gian và số lượng nhận hàng, Bên B sẽ xem xét khả năng đáp ứng và phản hồi lại Bên A ngay sau khi nhận được PO bổ sung.

Điều 4. Thanh toán

- 4.1 Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam – VNĐ.
- 4.2 Điều kiện thanh toán: Sau khi Bên A nhận được đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B, bao gồm:
a) Hóa đơn tài chính của Bên A;
b) Phiếu giao nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên;
- 4.3 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản, trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B
- 4.4 Đơn vị Bên A thực hiện thủ tục thanh toán:

4.5 Thông tin tài khoản:

Bên A:

- Số tài khoản:
- Tại Ngân hàng ...
- Địa chỉ: ...
- Mã số thuế:

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

- Tài khoản số: 0011000015434.
- Tại ngân hàng: Sở giao dịch Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.
- Mã số thuế: 0100107934

[Điều 5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng:

- 5.1 Bên B nộp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A không muộn hơn 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực như sau:
- a) Hình thức bảo đảm: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
 - b) Giá trị bảo đảm: VNĐ, tương đương ...% tổng giá trị dự kiến của Hợp đồng.
 - c) Hiệu lực: Kể từ ngày phát hành của Thư bảo lãnh cho đến hết ngày
- 5.2 Thời hạn hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Bên A sẽ hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận lô hàng cuối cùng của Hợp đồng.
- 5.3 Trong trường hợp gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với thời gian tương ứng.
- 5.4 Bên B không được hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:
- a) Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
 - b) Bên B không hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định trong Hợp đồng;
 - c) Bên B thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.]

Điều 6. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các Bên

- 6.1 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên A:
- a) Triển khai Đơn đặt hàng (PO) cho Bên B về yêu cầu mua hàng hóa theo mẫu Đơn đặt hàng tại Phụ lục gửi kèm.
 - b) Thực hiện gọi nhập hàng trước ngày cần nhập hàng tối thiểu 10 ngày;
 - c) Thanh toán theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng;
 - d) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng;
 - e) Bên A có thể ủy quyền cho người khác thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình được quy định tại Hợp đồng, sau khi có thông báo bằng văn bản cho Bên B và có thể thay đổi, hủy bỏ việc ủy quyền của mình sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- 6.2 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B:



- a) Cung cấp cho Bên A hàng hóa theo các Đơn đặt hàng (PO) của Bên A.
- b) Cung cấp hàng hóa theo đúng quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng;
- c) Giao hàng đúng số lượng, thời gian theo kế hoạch giao hàng qui định tại Đơn đặt hàng (PO) hoặc theo yêu cầu thực tế của Bên A trên cơ sở thống nhất giữa hai Bên;
- d) Bên B chịu trách nhiệm pháp lý trước Bên A về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách, chất lượng sản phẩm và việc sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam qui định.
- e) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và Đơn đặt hàng (PO);

Điều 7. Kiểm tra hàng hoá

- 7.1 Việc kiểm tra quy cách và chất lượng hàng hóa quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này được thực hiện bởi đại diện Bên A hoặc Bên thứ ba do Bên A chỉ định.
- 7.2 Trường hợp Bên B không chấp nhận kết quả kiểm tra của Bên A, Bên B sẽ chịu trách nhiệm mời Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol thực hiện giám định và xác định quy cách chất lượng của hàng hóa và chịu chi phí giám định này.
- 7.3 Bên A có quyền tiến hành kiểm tra giám định (vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa) ... tối đa 3 lần/ năm trên cơ sở sản phẩm Bên A lấy mẫu ngẫu nhiên trong số hàng hóa của Hợp đồng này tại các kho của Bên A và / hoặc tại cơ sở sản xuất của Bên B. Chi phí kiểm tra giám định do Bên B chịu nếu phát hiện vi phạm Hợp đồng.

Điều 8. Bản quyền nhãn hiệu của hàng hoá và nhãn hiệu của bên A

- 8.1 Bên B chỉ được sử dụng nhãn hiệu ... (của bên A) trên các sản phẩm cung ứng cho Bên A theo Hợp đồng.
- 8.2 Bên B cam kết chỉ thể hiện các nội dung, thông tin theo yêu cầu của Bên A trên sản phẩm cung ứng theo Hợp đồng.
- 8.3 Bên B cam kết chỉ sử dụng thiết kế hàng hóa của Hợp đồng này cho các sản phẩm do Bên A yêu cầu cung cấp, không cung cấp sản phẩm của Hợp đồng (kể cả sản phẩm bị lỗi, không đủ tiêu chuẩn, sản xuất thừa số lượng ...) cho bất kỳ tổ chức, các nhân nào dưới bất kỳ hình thức nào (kinh doanh, biếu, tặng, hỗ trợ ...) trừ trường hợp được sự cho phép bằng văn bản của Bên A.

Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 10, phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của các trường hợp vi phạm đến Bên A, phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được thực hiện theo qui định cụ thể như sau:

- 9.1 Trường hợp Bên B không thực hiện giao hàng theo kế hoạch giao hàng quy định tại Hợp đồng và/hoặc Đơn đặt hàng (PO), Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa ...% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi tuần giao hàng chậm. Tổng tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.

- 9.2 Trường hợp Bên B giao hàng không đủ số lượng theo yêu cầu của Đơn đặt hàng (PO) thì Bên A thực hiện nhận số lượng đã giao và xác định thời gian để Bên B giao tiếp phần còn thiếu; mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu.
- Trường hợp Bên B không giao đủ hàng còn thiếu trong thời hạn được Bên A gia hạn, Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.
- 9.3 Tại thời điểm nhận hàng và trong quá trình hàng hóa lưu tại kho của Bên A (trong điều kiện bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất) cũng như trong quá trình sử dụng, nếu Bên A phát hiện hàng hóa bị lỗi (sản phẩm bị sai qui cách, bị biến chất, không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu qui định tại Hợp đồng) thì Bên A có quyền trả lại hàng hóa bị lỗi.
- Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi (kiểm tra toàn bộ hàng hóa tồn kho, thu hồi sản phẩm lỗi, đổi lại hàng hóa đáp ứng yêu cầu về quy cách, chất lượng sản phẩm ...) để đảm bảo hàng hóa cung cấp cho Bên A theo đúng điều kiện Hợp đồng về quy cách, chất lượng sản phẩm, số lượng và thời hạn giao hàng. Bên B chịu mọi chi phí phát sinh khi thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi.
- Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tối đa đến 8% giá trị lô hàng bị lỗi hoặc lô hàng có ngày giao hàng gần nhất với thời điểm phát hiện hàng hóa bị lỗi (trong trường hợp phát hiện lỗi vi phạm trong quá trình sử dụng).
- 9.4 Trường hợp Bên B (sau khi đã ký Hợp đồng) chuyển một phần hay toàn bộ Hợp đồng cho pháp nhân khác thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt tối đa đến 8% giá trị dự kiến của Hợp đồng (giá trị dự kiến của Hợp đồng là ... đồng)
- 9.5 Trường hợp Bên B vi phạm điều kiện Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 dẫn đến việc Bên A phải sử dụng loại hàng hóa khác thay thế để đảm bảo an toàn cung ứng cho Bên A, Bên B có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí phát sinh này. Để làm rõ, ngoài việc Bên B phải chịu các khoản phạt vi phạm Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 nói trên, Bên B có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại phát sinh thực tế cho Bên A do lỗi vi phạm Hợp đồng của Bên B
- 9.6 Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho bên B, Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả tiền lãi trên số tiền trả chậm đó vào lần thanh toán kế tiếp của Bên A. Lãi suất chậm trả tính theo lãi suất nợ quá hạn công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác nhưng không vượt quá 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (P/O) bị vi phạm.
- 9.7 Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ chi phí, thiệt hại thực tế phát sinh do việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.
- 9.8 Các khoản phạt nêu trên sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán của Đơn đặt hàng (PO). Riêng khoản bồi thường thiệt hại Hợp đồng (nếu có), Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên A tổng hợp giá trị thiệt hại và thông báo cho Bên B.

07934
G TỶ
HÂN
ÁP KH.
KHÔNG
I - TP.V

Điều 10. Bất khả kháng

- 10.1 Bất khả kháng được hiểu là sự kiện ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hay sự thay đổi quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- 10.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc vi phạm Hợp đồng.
- 10.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 10.4 Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt vi phạm Hợp đồng.
- 10.5 Trường hợp không tìm được giải pháp khắc phục, các Bên có quyền xem xét việc chấm dứt Hợp đồng.

Điều 11. Thủ tục giải quyết tranh chấp

- 11.1 Khi có phát sinh tranh chấp, hai Bên chủ động giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải.
- 11.2 Nếu thương lượng, hòa giải bất thành, tranh chấp sẽ được đưa lên Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- 12.1 Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo quy định tại Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- 12.2 Một trong hai Bên bị giải thể hoặc phá sản hoặc bị rút giấy phép kinh doanh.
- 12.3 Một trong hai Bên được bên còn lại xác nhận việc không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng.

Điều 13. Loại Hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 14. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

- 14.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Bổ sung hàng hóa cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
 - b) Thay đổi địa điểm giao hàng, đơn vị thanh toán theo yêu cầu của Bên A;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
 - d) Theo thỏa thuận của hai Bên.
- 14.2 Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.

- 14.3 Trong trường hợp Bên A muốn gia hạn hiệu lực của Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo gia hạn Hợp đồng cho Bên B tối thiểu 05 ngày trước thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực dưới hình thức Phụ lục hợp đồng để hai Bên cùng ký kết.

Điều 15. Hiệu lực và thời gian thực hiện Hợp đồng

- 15.1 Hợp đồng có hiệu lực khi đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký Hợp đồng.
15.2 Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày [ngày hiệu lực].
15.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 16. Thanh lý Hợp đồng

Hợp đồng được tự động thanh lý khi các Bên hoàn thành các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng.

Điều 17. Điều khoản chung

- 17.1 Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của hai Bên.
17.2 Các Phụ lục Hợp đồng và các Đơn đặt hàng (PO) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
17.3 Hợp đồng này được làm thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản. Ngoài ra, Hợp đồng này có thể được sao chụp thành nhiều bản chính có giá trị như nhau theo yêu cầu sử dụng của các Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP XNK Hàng không

Thời gian: 8h00, ngày 12 tháng 6 năm 2025.

Địa điểm tổ chức Đại hội: Phòng họp tầng 2 tòa nhà Airimex, số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
1	8h00 - 8h30	Đón tiếp cổ đông đăng ký danh sách, phát tài liệu, phát thẻ và phiếu biểu quyết.	Ban Tổ chức
2	8h30 - 8h40	Khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
3	8h40 - 8h45	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông.	Ban KTTC CD
4	8h45 - 8h55	Bầu Đoàn Chủ tịch,: - Dự kiến số lượng đề Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách đề Đại hội thông qua. (Đại hội giờ thẻ biểu quyết thông qua)	Ban Tổ chức
		Bầu Ban Thư ký: - Dự kiến số lượng đề Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách đề Đại hội thông qua. (Đại hội giờ thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
		Bầu Ban Kiểm phiếu: - Dự kiến số lượng đề Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách đề Đại hội thông qua. (Đại hội giờ thẻ biểu quyết thông qua)	
5	8h55 - 9h05	Đoàn Chủ tịch thông qua: - Thông qua Chương trình ĐHĐCĐTN năm 2025 & phân công nhiệm vụ trong Đoàn Chủ tịch; - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. (Đại hội giờ thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
6	9h05 - 9h30	Báo cáo của HĐQT về: - Kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025 và các giải pháp thực hiện;	Đoàn Chủ tịch
		- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.	
		- Báo cáo về định hướng hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2025-2030 của Công ty	
7	9h30 - 9h35	Báo cáo của Ban Kiểm soát về: - Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2024. - Phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty	Ban Kiểm soát

8	9h35 - 9h40	Báo cáo của HĐQT về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	Đoàn Chủ tịch
		Báo cáo của HĐQT về chi thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát: - Thực hiện năm 2024. - Kế hoạch năm 2025.	
9	9h40-9h45	Báo cáo của HĐQT V/v: Ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025	Đoàn Chủ tịch
10	9h45 - 10h15	Đại hội thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 6 đến mục 9.	Đoàn Chủ tịch
11	10h15 - 10h25	Nghỉ giải lao	
12	10h25 - 10h30	Thông báo kết quả biểu quyết các nội dung từ mục 6 đến mục 9.	Ban Kiểm phiếu
13	10h30 - 10h40	Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội; (Đại hội xem xét giờ thẻ biểu quyết thông qua)	Thư ký Đại hội
14	10h40	Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Khắc Hậu



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC

tại Đại hội ĐCĐTN năm 2025, Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không.

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. Trật tự của Đại hội:

1. Cổ đông tham dự Đại hội phải xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón, nhận tài liệu, thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết có ghi mã cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

2. Cổ đông và/hoặc người đại diện khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; phải đeo khẩu trang trong suốt thời gian Đại hội.

3. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông, giao tiếp hòa nhã, thân thiện.

4. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết trong đó ghi mã số đại biểu, họ và tên đại biểu, tổng số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

2. Cách biểu quyết:

2.1. **Đối với Thẻ biểu quyết:** Dùng để giao tay biểu quyết một số vấn đề thông thường như bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và thông qua: Quy chế làm việc, Chương trình Đại hội; Biên bản, Nghị quyết Đại hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giao Thẻ biểu quyết khi Ban tổ chức/Đoàn chủ tịch đề nghị biểu quyết: *Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến*. Trong lúc biểu quyết, cổ đông/người được ủy quyền dự họp ra ngoài được xem như đồng ý với nội dung cần biểu quyết.

2.2. **Đối với Phiếu biểu quyết:** Dùng để biểu quyết các nội dung quan trọng trình xin ý kiến Đại hội theo báo cáo, đề nghị của Đoàn chủ tịch và được thu vào thùng phiếu. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đánh dấu ✓ hoặc X vào **một** trong 3 ô cần biểu



quyết: *Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến*. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc không bỏ phiếu vào thùng phiếu thì được xem là **Không có ý kiến**.

3. Thể lệ biểu quyết và các nội dung được biểu quyết thông qua:

a) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị phiếu bầu để biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 28/3/2025), tổng số cổ phần của Công ty là **3.111.283** (Ba triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm tám mươi ba) cổ phần phổ thông, tương đương **3.111.283** (Ba triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm tám mươi ba) phiếu bầu để biểu quyết.

b) Các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi có từ trên **50%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. Riêng các nội dung liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua khi được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

III. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ;

b) Cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban kiểm phiếu;

c) Ban kiểm phiếu Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông:

a) Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông do Ban kiểm phiếu tập hợp, sắp xếp và trình lên Đoàn chủ tịch, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

b) Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được pháp luật quy định, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết phục vụ nhu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

c) Ban Thư ký sẽ tập hợp các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, các câu hỏi không đủ thời gian trả lời tại Đại hội để trả lời bằng văn bản hoặc trực tiếp thông tin trên website của Công ty.

IV. Trách nhiệm của Chủ tọa:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định

theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình họp của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. Ban Thư ký:

1. Ban thư ký gồm 02 người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội hoặc còn lưu ý tại Đại hội vào Biên bản họp Đại hội.

2. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Gồm 03 người do HĐQT quyết định, giúp chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội và tư cách cổ đông dự họp; báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

VII. Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Xác định và thông báo kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

VIII. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên:

Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

IX. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, TGD, BKS;
- Lưu VT, T/K Cty.



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HĐQT
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Về tình hình SXKD 2024, kế hoạch SXKD 2025 và các giải pháp thực hiện)**

I. Khái quát về tổ chức Công ty:

Công ty XNK Hàng không (Airimex) được thành lập theo Quyết định số 197/TCHK ngày 21 tháng 03 năm 1989 của Tổng cục HKDD VN, trụ sở của Công ty tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Năm 2005 Bộ Giao thông vận tải ra quyết định chuyển Công ty XNK Hàng Không, đơn vị thành viên của TCT HKVN thành Công ty cổ phần.

Ngày 18/05/2006 Công ty CP XNK Hàng Không đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần; Vốn điều lệ Công ty: 20 tỷ đồng.

Tháng 4/2009 vốn điều lệ của Công ty tăng lên là: 25.927.400.000 đồng .

Tháng 12/2021 vốn điều lệ của Công ty tăng lên là: 31.112.830.000 đồng

Đến ngày 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên, Ban Tổng giám đốc Công ty gồm 3 thành viên, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Trong đó:

Ông Đào Khắc Hậu, giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty;

Ông Đinh Ngọc Tùng, giữ chức UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty;

Ông Nguyễn Tiến Dũng, giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

II. Tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2024:

1. Tổng quan chung về môi trường kinh doanh:

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024.

Tỷ giá ngoại tệ diễn biến phức tạp và chịu tác động của thị trường quốc tế. Tỷ giá USD bình quân năm 2024 tăng 4,91% so với năm 2023.

Đối với ngành hàng không là mảng kinh doanh chính của Airimex: Thị trường hàng không quốc tế hồi phục và vượt mức trước dịch, thị trường hàng không nội địa cũng dần được khôi phục song tốc độ còn chậm. Ngành hàng không vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu tàu bay khai thác, khó khăn trong nguồn cung ứng thiết bị, vật tư tàu bay. Điều này cũng ảnh hưởng khiến lượng hàng XNK ủy thác phụ tùng vật tư máy bay chưa thể đạt sản lượng như trước dịch.

Cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh bán hàng cũng rất gay gắt, nhiều đối thủ là công ty tư nhân, cơ chế tài chính mở có những cơ chế cạnh tranh gây khó khăn cho Airimex.

Trước những diễn biến thay đổi trên, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Airimex, HĐQT, Ban điều hành đã có những giải pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp để đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

HĐQT xin báo cáo với Đại hội một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty năm 2024 như sau:

2. Về kết quả kinh doanh năm 2024:

Bảng tổng hợp một số chỉ tiêu SXKD cơ bản thực hiện năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH 2024 so với KH 2024
1. Tổng doanh thu	253.702	330.658	130,33%
2. Tổng chi phí	247.981	324.621	130,91%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	5.721	6.036	105,51%
4. Tổng số lao động bình quân	85	84	98,82%
5. Tổng số lao động tại 31/12	85	85	100,00%
6. Tổng quỹ lương	19.887	24.815	124,78%
7. Thu nhập LĐ bình quân tháng	19,50	24,62	126,26%
8. Mức chia cổ tức dự kiến	10.0%	0%	0,00%
9. Tổng mức đầu tư (KL CVHT)	5.700	1.026	18,00%
10. Tổng mức đầu tư (Giá trị giải ngân)	5.700	1.026	18,00%

Đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh năm 2024:

- Về doanh thu:

+ Về mảng doanh thu ủy thác xuất nhập khẩu phụ tùng vật tư (PTVT) máy bay và dịch vụ vận chuyển:

- XNK ủy thác PTVT được Công ty tiếp tục xác định là mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty, Công ty luôn chủ động bám sát thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ để làm tốt công tác XNK ủy thác PTVT máy bay, các trường hợp hàng AOG và hàng cứu tàu được thực hiện 24/7.

- Doanh thu từ phí ủy thác đạt 42,44 tỷ đồng bằng 101,46% KH ĐHCĐ;

- Doanh thu từ dịch vụ vận chuyển đạt 69,43 tỷ bằng 115,71% KH;

- Trong công tác giao nhận PTVT máy bay sửa chữa cho VNA do tổ chức khoa học, chất lượng dịch vụ tốt nên định mức thời gian giao nhận hàng sửa chữa (kể cả hàng xuất và hàng nhập) hiện nay đã duy trì 1-2 ngày. Đây là một sự nỗ lực rất lớn của Công ty đã được VNA đánh giá cao.

+ Về mảng doanh thu bán hàng: Doanh thu từ mảng bán hàng đạt 202,61 tỷ đồng bằng 150,46% KH ĐHCĐ trong đó:

- Doanh thu từ mảng kinh doanh thiết bị mặt đất, sân bay đạt 118,28 tỷ đồng tương đương bằng 109,89% KH.

- Doanh thu từ mảng kinh doanh dụng cụ, vật phẩm trên máy bay đạt 83,19 tỷ đồng tương ứng 103,54%KH.

+ Doanh thu cho thuê văn phòng đạt 13,21 tỷ bằng 95,3% KH ĐHCĐ. Thị trường cho thuê văn phòng sụt giảm do ảnh hưởng từ đợt dịch bệnh và giảm phát kéo dài, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu nhỏ quy mô hoạt động; các doanh nghiệp cũng thay đổi cách thức hoạt động sang kinh doanh trực tuyến, giảm chi phí thuê mặt bằng hoặc tái cơ cấu không gian làm việc theo hướng kết hợp giữa văn phòng truyền thống và văn phòng ảo.

+ Doanh thu từ dịch vụ quản lý kho đạt 2,17 tỷ đồng, bằng 73,96% KH ĐHCĐ, giảm mạnh so với kế hoạch do VSTEAM dừng hoạt động của kho hàng tại TP.HCM từ tháng 7/2024.

- + Doanh thu tài chính đạt 0,5 tỷ đồng bằng 129,87% KH.
- Về chi phí: Tổng chi phí năm 2024 của Công ty là 324,62 tỷ đồng, bằng 130,91% KH ĐHĐCĐ thông qua.
- Về lợi nhuận: Vượt qua mọi khó khăn trong năm 2024 Airimex đạt được lợi nhuận là 6,04 tỷ đồng (tương ứng 105,51% KH ĐHĐCĐ thông qua).
- Về đầu tư: Năm 2024 Công ty đã hoàn thành giải ngân hạng mục Mua mới thang máy nhà A, giải ngân 1,026 tỷ đồng (68,40% KH).
- Về nguồn nhân lực và chăm lo đến thu nhập của người lao động:
 - + Lao động bình quân trong năm 2024 là 84 người, thực hiện theo kết quả đề án Quản trị nhân sự và trong kế hoạch về lao động được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo hiệu quả công việc trong tình hình diễn biến dịch bệnh phức tạp ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Về quỹ lương năm 2024 Công ty bằng 24,815 tỷ đồng tương ứng 124,78% KH đã được ĐHĐCĐ thông qua trong đó quỹ lương chức danh, lương khoán bằng 19,887 tỷ đồng (100,00% KH), quỹ lương hiệu quả bằng 4,928 tỷ đồng.
 - Về quyền lợi của Cổ đông:
 - Năm 2024, Công ty dự kiến tạm thời không chi trả cổ tức.
 - Công nợ phải thu khó đòi của Egroun/CMS: Công ty xác định khoản công nợ phải thu của đối tác Egroun/CMS 1,56 tỷ đồng là công nợ phải thu khó đòi và thực hiện trích lập dự phòng 752 triệu đồng theo quy định hiện hành. Đồng thời Ban lãnh đạo Công ty cũng chỉ đạo Phòng TCHC, Ban Quản lý tòa nhà tiếp tục theo sát CMS để thu hồi được khoản công nợ này.
 - HĐQT, Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo sát sao Phòng Kinh doanh Công ty, tích cực làm việc với Hải quan thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã hoàn tất việc ký thanh lý Hợp đồng kinh tế số 18/HĐSC-HN ngày 28/08/2015 “Sửa chữa máy soi container CX-G6 L3 communication tại cảng Cát Lái”.

3. Về vấn đề tổ chức, nhân sự của Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giữ nguyên cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát như Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã thông qua.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Tổng giám đốc điều hành;
 - + Các đơn vị trực thuộc, gồm: Phòng Xuất nhập khẩu 2; Phòng Xuất nhập khẩu 3; ; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Kinh doanh và Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.
 - Về công tác cán bộ: HĐQT và Tổng giám đốc Công ty theo thẩm quyền đã điều chuyển, bổ nhiệm một số cán bộ đảm bảo đúng quy định, đúng theo phân cấp quản lý.
 - Công ty cơ bản đã ổn định tổ chức, cán bộ; rà soát, sắp xếp phân công bố trí công việc tới từng người lao động một cách phù hợp và khoa học; xây dựng định biên lao động

cho từng đơn vị trong Công ty trên cơ sở kết quả của Đề án quản trị nhân sự; Thực hiện trả lương cho người lao động theo chức danh công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc; Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 24/04/2024 đã được HĐQT, Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023 như phương án đã được ĐHĐCĐTN năm 2024 thông qua. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%/VĐL, chi trả 100% bằng tiền;

- Công ty đã hoàn thành việc chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

- Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty: Trình độ quản lý, điều hành và chất lượng lao động tại đơn vị được nâng cao; sử dụng và phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên. Có sự phối kết hợp, trao đổi về nghiệp vụ và dữ liệu thông tin thường xuyên giữa các Phòng, Chi nhánh trong Công ty.

- Về quy chế, quy định: Rà soát các quy chế quy định cho phù hợp với thực tế, đúng quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về lao động: Kiểm soát số lượng lao động trong kế hoạch được thông qua, sử dụng lao động hiệu quả, nâng cao chất lượng lao động do đó năng suất lao động tăng.

- Về tiền lương: Đảm bảo tiền lương thu nhập, đời sống của người lao động ổn định, người lao động yên tâm làm việc.

Như vậy, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã được HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Năm 2024, chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty đạt vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Một số các chỉ tiêu về doanh thu như doanh thu bán hàng, doanh thu ủy thác, doanh thu cho vận chuyển vượt kế hoạch đã đề ra. Đó là thành tích rất đáng khích lệ trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn gặp nhiều thách thức.

Năm 2024 hoạt động của Công ty vẫn còn những vấn đề khó khăn cần giải quyết và tìm cách tháo gỡ trong năm 2025, đó là:

- Đối với mảng ủy thác: Ngành hàng không vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu tàu bay khai thác, khó khăn trong nguồn cung ứng thiết bị, vật tư tàu bay, khiến lượng hàng XNK ủy thác chưa thể đạt sản lượng như trước dịch.

- Đối với mảng vận chuyển: thường xuyên gặp cạnh tranh gay gắt, trong khi cước vận tải hàng hóa bị đẩy cao, gây nhiều khó khăn.

- Đối với mảng bán hàng:

- + Mảng kinh doanh trang thiết bị mặt đất: Tình hình cạnh tranh trên thị trường thiết bị mặt đất sân bay vẫn diễn ra ngày càng gay gắt, việc đấu thầu mua sắm thiết bị được mở công khai trên mạng đấu thầu quốc gia thu hút càng nhiều hơn các đối thủ cạnh tranh; Các đối tác đang gặp khó khăn trong khâu sản xuất, lực lượng lao động dẫn đến chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các vấn đề về địa chính trị, chiến tranh trên thế giới... cho nên gặp các vấn đề trở ngại như chậm tiến độ; Tỷ giá biến động tiêu cực so với dự tính khi ký hợp đồng, thời gian giao hàng dài, ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu, tiền ứng vốn, tăng các chi phí liên quan

HỮU
NG
IP.HA

dẫn đến lợi nhuận giảm xuống; Khó khăn về giá cả khi có nhiều sự cạnh tranh hơn từ các đối thủ khác.

+ Mảng kinh doanh dụng cụ, vật phẩm trên máy bay: Hiện nay Công ty chủ yếu cung cấp dụng cụ, vật phẩm trên máy bay cho VNA và các công ty thành viên của VNA Group. Do kinh tế thế giới đang rơi vào giai đoạn khó khăn, chiến tranh xảy ra ở Châu Âu, Trung Đông khiến việc khai thác các đường bay quốc tế bị ảnh hưởng rất lớn, số lượng dụng cụ, vật phẩm tiêu thụ chưa đạt như kỳ vọng. Giá dầu, tỷ giá ngoại hối biến động mạnh và khó dự báo khiến cho giá cả và các loại chi phí liên quan đến mua hàng tăng mạnh. Nhiều mặt hàng hết hạn hợp đồng phải tổ chức đấu thầu lại, trong khi đó giá cả và chi phí mua hàng biến động mạnh và làm suy giảm lợi nhuận do chi phí đầu vào tăng.

- Mảng cho thuê văn phòng: Thị trường cho thuê văn phòng sụt giảm do ảnh hưởng từ đợt dịch bệnh và giảm phát kéo dài, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu nhỏ quy mô hoạt động; các doanh nghiệp cũng thay đổi cách thức hoạt động sang kinh doanh trực tuyến, giảm chi phí thuê mặt bằng hoặc tái cơ cấu không gian làm việc theo hướng kết hợp giữa văn phòng truyền thống và văn phòng ảo. Các tòa nhà A, B, C của Công ty có nhiều hạng mục đã bị hư hỏng, xuống cấp cần phải cải tạo sửa chữa để nâng cao chất lượng văn phòng cho thuê,...

- Mảng dịch vụ quản lý kho: VSTEAM dừng hoạt động của kho hàng tại TP. HCM từ tháng 7/2024 do Vietjet (Đối tác của VSTEAM) không tiếp tục hợp đồng thuê. Vì vậy doanh thu mảng dịch vụ quản lý kho giảm mạnh.

- Mảng tài chính:

+ Vốn điều lệ của Công ty thấp, hầu hết vốn cho hoạt động kinh doanh bán hàng, vốn cho nộp thuế VAT nhập khẩu đối với dịch vụ XNK uỷ thác PTVT máy bay phải vay ngân hàng.

- Rủi ro về sự biến động tỷ giá ngoại tệ, sự thay đổi các chính sách thuế, các quy định hải quan,... cũng là những khó khăn lớn cần đặc biệt lưu ý trong năm 2025.

5. Về thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT trong kỳ:

5.1. Về thù lao HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2024 đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2024. Tổng thù lao đã chi cả năm 2024: 333.480.000 đồng.

5.2. Về chi phí hoạt động khác của HĐQT:

- Chi phí lương HĐQT năm 2024: 1,74 tỷ đồng (bao gồm lương Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc) trong đó các khoản chi ngày lễ, Tết, thưởng: đã chi 524 triệu đồng. Kế hoạch lương HĐQT năm 2025 đề xuất tăng 1,5% so với mức lương HĐQT thực hiện năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Công tác phí, chi phí tiếp khách và các chi phí khác cho HĐQT: được hạch toán vào chi phí chung của Công ty.

6. Về Tổng kết các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Trong năm 2024 HĐQT đã thực hiện họp 4 phiên và 17 lần lấy ý kiến theo đúng quy định của pháp luật và Công ty, các nghị quyết, quyết định được đưa ra cụ thể theo Phụ lục tổng hợp Nghị quyết của HĐQT Công ty năm 2024 đính kèm.

7. Kết quả giám sát TGD & người điều hành khác trong kỳ:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

+ HĐQT thông qua kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024.

+ Phê duyệt các nội dung trình ĐHCĐTN năm 2024 của Công ty.

+ Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023.

+ Chỉ đạo bám sát kế hoạch SXKD của công ty đề ra. Thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD.

+ Ban Tổng giám đốc gửi báo cáo kết quả SXKD định kỳ hàng quý cho HĐQT, thông qua các cuộc họp HĐQT đề ra phương hướng trong thời gian tới.

+ HĐQT phối hợp cùng Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của Công ty.

+ HĐQT giám sát và hỗ trợ việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

III. Kế hoạch SXKD năm 2025 và một số giải pháp tổ chức thực hiện:

1. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Trên cơ sở phân tích các thuận lợi, khó khăn của năm 2025 đồng thời căn cứ vào đặc thù, thực trạng, định hướng SXKD của Công ty và các thông tin hướng dẫn xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty, nắm bắt nhu cầu đầu tư của các đơn vị trong ngành Hàng không và các khách hàng; HĐQT đã họp thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 và trình ĐHCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu SXKD chính như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	KH 2025 so với TH 2024
1. Tổng doanh thu	330.658	275.162	83,22%
2. Tổng chi phí	324.620	268.558	82,73%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	6.036	6.604	109,41%
4. Tổng số lao động bình quân	84	87	103,57%
5. Tổng số lao động tại 31/12	85	87	102,35%
6. Tổng quỹ lương	24.815	25.494	102,74%
7. Thu nhập LĐ bình quân tháng	24,62	24,42	99,20%
8. Mức chia cổ tức dự kiến	0,0%	10,0%	-
9. Tổng mức đầu tư (Khối lượng công việc hoàn thành)	1.026	6.700	653,02%
10. Tổng mức đầu tư (Giá trị giải ngân)	1.026	6.700	653,02%

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 tiếp tục chịu ảnh hưởng của xung đột địa chính trị, chiến tranh Nga-Ukraina, nguy cơ suy thoái kinh tế ở Châu Âu, Mỹ,... vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, đề chủ động trong điều hành hoạt động SXKD, HĐQT trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty:

+ Chủ động rà soát, điều chỉnh lại KH SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

+ Quyết định về thời gian và mức tạm ứng cổ tức năm 2025 trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD của công ty.

- Danh mục các dự án đầu tư năm 2025 bao gồm:

Stt	Hạng mục đầu tư	Mức đầu tư (triệu đồng)
1	Màn hình led quảng cáo nhà B	2.500
2	Mua mới thang máy nhà B	700
3	Chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	2.000
4	Chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại ngách 200/10 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	1.500
	Tổng mức đầu tư 2025	6.700

2. Một số giải pháp chính nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 và định hướng phát triển cho những năm tiếp theo:

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ một số giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025, cụ thể như sau:

- Đối với mảng kinh doanh uỷ thác, vận chuyển:
 - + Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hợp đồng uỷ thác và nâng cao chất lượng dịch vụ với VNA;
 - + Tăng cường mở rộng cung cấp dịch vụ uỷ thác, vận chuyển với các khách hàng mới như vận chuyển động cơ, cang, khối máy lớn cho Vietjet, PA;
- Đối với mảng kinh doanh bán hàng:
 - + Bám sát nhu cầu đầu tư mua sắm trang thiết bị của các khách hàng truyền thống, xây dựng phương án giá hợp lý đảm bảo khả năng trúng thầu đồng thời có phương án chuẩn bị về nguồn vốn kinh doanh, nguồn hàng cung cấp, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ;
 - + Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường, giữ vững và phát triển thị phần, mở rộng kinh doanh ngoài ngành;
 - + Tập trung xử lý dứt điểm vấn đề hàng tồn kho của Phòng Xuất nhập khẩu 3 theo quy định hiện hành.
- Đối với mảng cho thuê văn phòng:
 - + Nghiên cứu, triển khai các giải pháp cho thuê các diện tích còn trống; triển khai các dự án xây dựng toà nhà văn phòng;
 - + Tiến hành cải tạo, sửa chữa khu vực đã xuống cấp, hư hỏng; duy trì thực hiện nghiêm túc quy định quản lý toà nhà; nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê văn phòng;
 - Đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ để đảm bảo cân đối nguồn vốn, tăng thu nhập từ hoạt động tài chính và giảm lãi vay.
 - Về tổ chức cán bộ lao động: Ổn định tổ chức, cán bộ, thực hiện có kết quả phương án bố trí sắp xếp, phân công công việc cho từng người lao động trong các đơn vị, tổ chức lao

001078
ÔNG
CỔ PH
ẤT NHẬP
HÀNG KI
3 BIÊN

động khoa học qua đó nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc và nâng cao năng suất lao động;

- Về công tác đào tạo: Triển khai công tác đào tạo theo kế hoạch để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, người lao động gồm: đào tạo nghiệp vụ về hàng nguy hiểm, kỹ năng quản lý hợp đồng, cập nhật về chế độ chính sách và nghiệp vụ ISO;

- Về tiền lương: Tiếp tục triển khai thực hiện đề án QTNS, thực hiện quy chế tiền lương Công ty, theo đó việc trả lương theo chức danh công việc được giao phù hợp tính chất, mức độ phức tạp công việc đảm nhận và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động trong từng đơn vị, qua đó đảm bảo việc trả lương cho người lao động theo đúng nguyên tắc kịp thời, công bằng và phù hợp với số lượng, chất lượng và mức độ cống hiến của mỗi người, khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác; Thực hiện nghiêm túc các Quy định quản lý lao động và Tiêu chuẩn chức danh làm cơ sở tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá chất lượng lao động và trả lương phù hợp với năng lực, chất lượng lao động;

- Thực hiện rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy định của Công ty cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty; Thực hiện các giải pháp có hiệu quả để quản trị tốt các hợp đồng, tránh rủi ro, tiết kiệm chi phí tối đa, đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

- Về công nghệ: Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành để giảm hao phí lao động và tăng năng suất lao động.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: đoàn kết - hợp tác - phát triển. Giữ nghiêm kỷ luật. Chăm lo xây dựng, củng cố truyền thống đoàn kết trong Công ty, quy tụ và phát huy khả năng của từng thành viên trong Công ty. Đảm bảo việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó tăng cường hiệu quả đầu tư cho các Cổ đông.

3. Một số kiến nghị với Tổng công ty HKVN với vai trò vừa là cổ đông lớn nhất vừa là đối tác truyền thống quan trọng nhất của Công ty AIRIMEX:

- Có cơ chế chính sách cho Airimex nói riêng và các công ty con nói chung khi tham gia các gói thầu phục vụ cho TCTHK VN;

- Đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ, thanh toán công nợ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo liên quan đến kết quả hoạt động SXKD thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Công ty CP XNK Hàng không. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu

PHỤ LỤC
Tổng hợp Nghị quyết HĐQT Công ty năm 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	590/2024/NQ-HĐQT-XNK	04/03/2024	QĐ V/v: Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2024 Công ty CP XNK Hàng không
2	591/2024/NQ-HĐQT-XNK	04/03/2024	QĐ V/v: Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐTN năm 2024 Công ty CP XNK Hàng không
3	609/2024/NQ-HĐQT-XNK	06/03/2024	NQ Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐTN năm 2024 của Công ty
4	728/2024/NQ-HĐQT-XNK	18/03/2024	NQ Phiên họp thứ mười một, Nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thông qua thời gian, địa điểm và các nội dung ĐHĐCĐTN 2024
5	19/2024/NQ-ĐHĐCĐ-XNK	24/04/2024	NQ Đại hội ĐCĐTN năm 2024
6	1139/2024/QĐ-HĐQT-XNK	03/05/2024	QĐ Về việc chi trả cổ tức năm 2024
7	1152/2024/NQ-HĐQT-XNK	03/05/2024	NQ V/v: Triển khai một số nội dung NQ ĐHĐCĐTN năm 2024 của Công ty
8	1340/2024/NQ-HĐQT-XNK	21/05/2024	NQ V/v: Lựa chọn Cty kiểm toán thực hiện soát xét B.cáo tài chính giữa niên độ (6 tháng) và kiểm toán B.cáo tài chính kết thúc năm 2024 của Công ty
9	1582/2024/NQ-HĐQT-XNK	14/06/2024	NQ V/v: Sửa đổi Quy định lương cơ bản và Quy chế tiền lương Công ty
10	1583/2024/QĐ-HĐQT-XNK	14/6/2024	QĐ V/v: Ban hành Quy định lương cơ bản của Công ty
11	1584/2024/QĐ-HĐQT-XNK	14/6/2024	QĐ V/v: Ban hành Quy chế tiền lương của Công ty
12	1629/2024/NQ-HĐQT-XNK	19/6/2024	NQ phiên họp thứ 12, Nhiệm kỳ 2021 - 2026: thông qua ban hành “Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không”
13	1640/2024/QĐ-HĐQT-XNK	19/6/2024	QĐ V/v: Ban hành “Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không”

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	1804/2024/QĐ-HĐQT-XNK	27/6/2024	QĐ Về việc ông Trần Trung Dũng nghỉ việc không hưởng lương
15	1847/2024/NQ-HĐQT-XNK	28/06/2024	NQ V/v: Thí điểm thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả đối với nhân viên phòng XNK 2 và CN
16	2108/2024/NQ-HĐQT-XNK	25/07/2024	NQ V/v: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội
17	2285/2024/NQ-HĐQT-XNK	12/08/2024	NQ phiên họp thứ 13, Nhiệm kỳ 2021-2026, số 13/2024/BB-HĐQT-XNK ngày 12/8/2024: TGD báo cáo HĐQT về thực hiện kế hoạch SXKD 06 tháng đầu năm 2024 & về Tổ chức phòng KD và Phương hướng KD của phòng KD
18	2870/2024/NQ-HĐQT-XNK	10/10/2024	NQ V/v: Đầu tư mua sắm lắp đặt hệ thống thang máy mới thay thế hệ thống thang máy cũ tòa nhà 6 tầng, khu vực trụ sở chính Công ty
19	3148/2024/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2024	NQ phiên họp thứ 14, Nhiệm kỳ 2021-2026, số 14/2024/BB-HĐQT-XNK ngày 12/11/2024: Về thực hiện KH SXKD 09 tháng, ước thực hiện kết quả KD năm 2024, dự kiến KH kinh doanh năm 2025 & KH kinh doanh 5 năm 2025-2030
20	3354/2024/QĐ-HĐQT-XNK	02/12/2024	QĐ về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT Công ty
21	3369/2024/NQ-HĐQT-XNK	04/12/2024	NQ V/v: Ký tiếp HĐ dịch vụ làm kiểm toán nội bộ của Công ty với bà Đỗ Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK HÀNG KHÔNG

**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

1. Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần XNK Hàng không
 2. Giấy đăng ký KD số : 010017934 ngày 09 tháng 10 năm 2013
 3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu...
 4. Địa chỉ : 414 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên; Điện thoại: 38271351; Fax: 38271925
 Vốn điều lệ: 31.112.830.000 VNĐ
 Trong đó vốn góp của Tổng Công ty : 12.852.000.000 VNĐ

DVT: Trđ

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024			Năm 2025	
			KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	135.401	163.329	120,63	161.343	98,78
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	20.964	26.113	124,56	12.318	47,17
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	-	1.750	-	-	-
3	Các khoản phải thu.	130-BCĐKT	104.684	113.776	108,68	138.051	121,34
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	1.559	-	-	-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	9.588	20.981	218,83	10.747	51,22
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	165	710	430,12	227	31,96
II	Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	11.251	7.827	69,56	12.538	160,19
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định	220,230-BCĐKT	8.266	7.438	89,98	12.066	162,22
5	Tài sản dài hạn khác	240,260-BCĐKT	2.985	389	-	472	121,41
III	Nợ phải trả	300-BCĐKT	108.760	132.576	121,90	133.522	100,71
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	106.926	114.827	107,39	132.125	115,06
	Trong đó: Nợ quá hạn		-	-	-	-	-
2	Nợ dài hạn	320-BCĐKT	1.834	17.749	967,79	1.397	7,87
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	37.892	38.580	101,82	40.358	104,61
1	Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	37.892	38.580	101,82	40.358	104,61
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	420-BCĐKT	-	-	-	-	-
V	Kết quả kinh doanh		0	-	-	0	-
1	Tổng doanh thu		253.702	330.658	130,33	275.162	83,22
	- Dthu về bán hàng và c.cấp DV	10-BCKQKD	253.292	329.860	130,23	274.962	83,36
	- Dthu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	388	504	129,87	200	39,69
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	22	294	-	-	-
2	Tổng chi phí		247.981	324.621	130,91	268.558	82,73
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
	+ Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng		-	-	-	-	-
	+ Lợi nhuận từ hoạt động KD		5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	4.577	4.772	104,26	5.242	109,85

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024			Năm 2025	
			KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
VI	Các chỉ tiêu khác		-	-	-	-	-
1	Tổng vốn CSH của DN tại ngày 31/12		37.892	38.580	101,82	40.358	104,61
	Trong đó vốn đầu tư của các CSH		31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
2	Vốn đầu tư của TCT vào DN tại ngày 31/12		12.852	12.852	100,00	12.852	100,00
3	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :		-	-	-	-	-
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		74,16	77,46	104,45	76,79	99,14
	- TS ngắn hạn/Nợ phải trả		1,24	1,23	99,19	1,21	98,37
4	Lợi nhuận trước thuế của DN		5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
	+ Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng		-	-	-	-	-
	+ Lợi nhuận từ hoạt động KD		5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
5	Lợi nhuận Tổng Công ty được hưởng		1.285	-	-	1.285	-
	Trong đó : - Cổ tức		1.285	-	-	1.285	-
6	Tổng mức đầu tư trong năm của DN (GTGN)		5.700	1.026	18,00	6.700	653,02
7	Tổng phát sinh phải nộp NS trong năm		7.272	7.743	106,48	7.334	94,71
	Trong đó: Các loại thuế		7.272	7.743	106,48	7.334	94,71
8	Tổng quỹ lương		19.887	24.815	124,78	25.494	102,74
9	Số lao động bình quân (người)		85	84	98,82	87	103,57
10	Tiền lương bình quân người/ năm		19,50	24,62	126,26	24,42	99,20
11	Số lao động thuê ngoài bình quân		-	-	-	4,00	-
12	Chi phí nhân công thuê ngoài		-	-	-	756,00	-

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Khắc Hậu



CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM 2025

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2024			Năm 2025	
		KH	TH	TỶ LỆ	KH	TỶ LỆ
		(1)	(2)	(2)/(1)	(3)	(3)/(2)
1. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đ	7.272	7.743	106,48	7.334	94,71
1.1 Thuế giá trị gia tăng	Tr.đ	4.049	3.252	80,31	2.706	83,22
1.2 Thuế môn bài	Tr.đ	4	4	100,00	4	100,00
1.3 Thuế nhà đất	Tr.đ	1.198	1.816	151,61	1.816	100,00
1.4 Thuế XNK	Tr.đ	-	-	-	-	-
1.5 Thuế tiêu thụ đặc biệt + nhà thầu	Tr.đ	-	-	-	-	-
1.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	1.150	1.265	109,96	1.363	107,75
1.6 Thuế khác (TNCN)	Tr.đ	871	1.407	161,48	1.445	102,74
2. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN)	Tr.đ	5.700	1.026	18,00	6.700	653,02
3. TỔNG DOANH THU	Tr.đ	253.702	330.658	130,33	275.162	83,22
- Bán hàng	Tr.đ	134.662	202.612	150,46	158.680	78,32
- Ủy thác nhập khẩu	Tr.đ	41.834	42.443	101,46	44.342	104,37
- Dịch vụ vận chuyển, khác	Tr.đ	60.000	69.426	115,71	56.000	80,66
- Bán vé MB	Tr.đ	-	-	-	-	-
- Cho thuê VP	Tr.đ	13.858	13.206	95,30	14.684	111,19
- Dịch vụ quản lý kho	Tr.đ	2.938	2.173	-	1.257	58
- DT tài chính	Tr.đ	388	504	129,87	200	39,69
- Thu nhập khác	Tr.đ	22	294	-	-	-
4. TỔNG CHI PHÍ	Tr.đ	247.981	324.621	130,91	268.558	82,73
4.1 Chi cho CBCNV	Tr.đ	20.605	25.465	123,59	26.256	103,11
- Chi phí tiền lương	Tr.đ	19.887	24.815	124,78	25.494	102,74
- Tiền ăn ca	Tr.đ	718	651	90,61	762	117,14
4.2 BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	1.815	1.865	102,76	2.059	110,42
4.3 Chi phí vật tư, vốn hàng	Tr.đ	205.294	273.890	133,41	217.256	79,32
- Giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng	Tr.đ	129.091	194.516	150,68	151.750	78,01
- Chi phí dịch vụ	Tr.đ	76.202	79.375	104,16	65.506	82,53
4.4 Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	2.682	2.784	103,82	2.272	81,61
4.5 Chi khác	Tr.đ	16.556	17.633	106,50	18.578	105,36
- Chi khác bằng tiền	Tr.đ	16.256	16.238	99,89	17.978	110,71
Trong đó chi phí khác bằng tiền dự phòng là 10%		-	-	-	-	-
- Chi phúc lợi cho người lao động	Tr.đ	300	642	214,10	600	93,41
- Dự phòng phải thu khó đòi (hoàn nhập)	Tr.đ	-	753	-	-	-
4.6 Chi phí hđộng tài chính	Tr.đ	718	2.935	408,79	2.136	72,77
Trong đó chi phí lãi vay	Tr.đ	696	2.075	298,16	2.136	102,93

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2024			Năm 2025	
		KH	TH	TỶ LỆ	KH	TỶ LỆ
		(1)	(2)	(2)/(1)	(3)	(3)/(2)
4.7 Chi phí hoạt động khác	Tr.đ	311	48	-	-	-
5. LỢI NHUẬN	Tr.đ	-	-	-	-	-
5.1 Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
Trong đó : + Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng	Tr.đ	-	-	-	-	-
+ Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tr.đ	5.721	6.036	105,51	6.604	109,41
5.2 Thuế TNDN		1.144	1.265	110,49	1.363	107,75
5.3 Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	4.577	4.772	104,26	5.242	109,85
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung VDL		-	-	-	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		458	516	112,77	524	101,56
+ Trích quỹ thưởng ban điều hành		92	282	306,66	285	101,09
+ Lợi nhuận còn lại năm nay		4.027	3.973	98,66	4.432	111,55
6 Lợi nhuận dự kiến chia cổ tức	Tr.đ	3.111	-	-	3.111	-
Lợi nhuận năm nay		4.027	3.973	98,66	4.432	111,55
Chi cổ tức (Tỷ lệ %/1.000 đ)		10,0%	0,0%	-	10,0%	-
6. LAO ĐỘNG (TẠI 31/12)	Người	85	85	100,00	87	102,35
7. LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	Người	85	84	98,82	87	103,57
8. TIỀN LƯƠNG BQ 1 LĐ/THÁNG	Tr.đ	19,50	24,62	126,26	24,42	99,20
9. VỐN	Tr.đ	31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
10. LAO ĐỘNG THUÊ NGOÀI (TẠI 31/12)	Người	-	-	-	4	-
11. LAO ĐỘNG THUÊ NGOÀI BÌNH QUÂN	Người	-	-	-	4	-
12. CHI PHÍ NHÂN CÔNG THUÊ NGOÀI	Tr.đ	-	-	-	756	-

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Khắc Hậu





Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
*Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không
trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;
 - Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;
 - Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn RSM Việt nam
- Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không xin báo cáo ĐHĐCĐ TN năm 2025 về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau.

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Cơ cấu và hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, nhân sự BKS không có sự thay đổi, nhân sự BKS hiện tại của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, bao gồm:

- + Ông Nguyễn Tiến Dũng: Trưởng BKS
- + Ông Đinh Phúc Lộc: Thành viên BKS
- + Bà Tống Thị Thanh Bình: Thành viên BKS

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Các thành viên BKS được nhận thù lao và chi phí hoạt động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ TN 2024.

- Trong năm 2024 hoạt động của BKS được tiến hành chủ động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và theo quy chế hoạt động của BKS, cụ thể:

- + BKS đã xây dựng chương trình và nội dung làm việc năm 2024.
- + BKS đã kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2024.
- + BKS đã giám sát tình hình thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong năm 2024, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- + BKS đã giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2024 của Công ty.
- + Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập: BKS đã thực hiện trao đổi công việc, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán đưa ra.

2. Lương và thù lao của thành viên Ban kiểm soát

Mức thù lao của thành viên ban Kiểm soát Công ty thực hiện theo nghị quyết số 19/2024/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 24/4/2024 và được chi trả đúng quy định.

- Chi tiết thù lao của các thành viên BKS:
 - + Trưởng BKS mức thù lao 3,450 triệu đồng/tháng.
 - + 02 TV BKS hưởng mức thù lao 2,890 triệu đồng/người/tháng
- Tổng thù lao chi trả cho các TV BKS trong năm 2024: là 110,76 triệu đồng.
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2024: không phát sinh

3. Tổng kết các cuộc họp của BKS

- Hợp thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra công tác đầu tư mua sắm phát sinh trong năm 2022.

- Hợp thống nhất nội dung kết quả thẩm định BCTC năm 2023 của công ty;
- Hợp thống nhất nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ TN 2024;
- Hợp thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tình hình SXKD và mua sắm hàng hoá dịch vụ 6 tháng cuối năm 2023;
- Hợp thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tình hình SXKD và công tác đầu tư mua sắm hàng hoá dịch vụ 6 tháng đầu năm 2024;
- Thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra công tác quản lý kho hàng hoá 9 tháng đầu năm 2024 tại Công ty;
- Thống nhất giải quyết các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

Trong quá trình làm việc các thành viên trong BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và hiệu quả.

4. Phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các bộ phận quản lý của Công ty và cổ đông.

- Đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty, BKS duy trì mối quan hệ công tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự phối hợp từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty.

- Đối với cổ đông: trong năm 2024 BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu kiện nào từ cổ đông.

II. Kết quả giám sát hoạt động SXKD, quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty

1. Thẩm định báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được lập theo thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp và đã được công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt nam kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán số: 08/2025/RSMHN-BCKT ngày 20/02/2025.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của kiểm toán độc lập về các nội dung báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Airimex.

1.1 Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	%TH2024/ KH2024	%TH2024/ TH2023
1	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	253.702	204.705	330.658	130.33%	161.53%
2	Chi phí	Triệu đồng	247.981	199.451	324.621	130.91%	162.76%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.721	5.254	6.036	105.51%	114.90%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.577	3.908	4.772	104.26%	122.11%

Các số liệu về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 nêu trên của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt nam và đã được Ban kiểm soát thẩm định BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

1.2 Đánh giá kết quả SXKD:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 đạt 329,86 tỷ đồng, bằng 130,33% so với kế hoạch năm 2024, bằng 161,53% cùng kỳ năm 2023.

- Năm 2024 các hoạt động SXKD chính của công ty dần được phục hồi: các lĩnh vực XNK uỷ thác, dịch vụ vận chuyển và bán hàng hoá đạt doanh thu cao so với KH 2024 và cùng kỳ năm trước. Lĩnh vực cho thuê văn phòng và quản lý kho trong năm gặp khó khăn doanh thu sụt giảm so với KH.

- LNTT năm 2024 đạt 6,036 tỷ đồng bằng 105,51% KH 2024 và bằng 114,90% cùng kỳ năm trước. Có được kết quả trên là do Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành hoạt động SXKD linh hoạt, tìm kiếm mở rộng đối tác kinh doanh, tiết kiệm chi phí, sử dụng lao động hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty tạo công ăn việc làm và thu nhập cho NLĐ đem lại lợi nhuận cho công ty.

1.3 Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Một số chỉ tiêu chính trên BCTC của công ty

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số đầu năm 2024	Số cuối năm 2024
A. TÀI SẢN	177,645,451,467	172,275,408,667
I- Tài sản ngắn hạn	167,551,641,952	164,448,611,222
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7,556,416,481	26,111,721,651
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1,750,000,000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	146,768,297,533	113,224,837,179
4. Hàng tồn kho	12,382,807,318	22,652,300,575
5. Tài sản ngắn hạn khác	844,120,620	709,751,817
II – Tài sản dài hạn	10,093,809,515	7,826,797,445
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	7,931,704,803	6,520,770,106
3. Bất động sản đầu tư	1,360,861,648	917,420,492
3. Tài sản dài hạn khác	801,243,064	388,606,847
B. NGUỒN VỐN	177,645,451,467	172,275,408,667
I- Nợ phải trả	140,232,238,950	133,696,012,957
1. Nợ ngắn hạn	138,877,408,950	115,946,638,472

NỘI DUNG	Số đầu năm 2024	Số cuối năm 2024
Trong đó: Nợ phải trả người bán	8,346,422,815	14,982,211,523
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	61,687,265,762	32,157,464,403
2. Nợ dài hạn	1,354,830,000	17,749,374,485
II. Vốn chủ sở hữu	37,413,212,517	38,579,395,710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	31,112,830,000	31,112,830,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	9,910,890	9,910,890
3. Quỹ đầu tư phát triển		
4. Quỹ khác thuộc vốn CHS	1,473,497,115	1,473,497,115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4,816,974,512	5,983,157,705
-. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	908,985,642	1,211,304,496
-. LNST chưa phân phối kỳ này	3,907,988,870	4,771,853,209

Tại ngày 31/12/2024: tổng tài sản 172,275 tỷ đồng giảm 5,370 tỷ đồng tương đương giảm 3,02% so với đầu kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 3,103 tỷ đồng (giảm 1,85% so đầu kỳ), tài sản dài hạn giảm 2,267 tỷ đồng (giảm 22,46% so đầu kỳ),

Tại ngày 31/12/2024 tổng nguồn vốn 172,275 tỷ đồng giảm 5,370 tỷ đồng tương đương giảm 3,02% so với đầu kỳ, trong đó nợ phải trả giảm 6.536 tỷ đồng tương đương giảm 4,66% so với đầu kỳ, Vốn CHS tăng 1,166 tỷ đồng tương đương tăng 3,12% so với đầu kỳ.

Công nợ phải thu, phải trả:

Công nợ phải thu

- Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2024 là: 113,225 tỷ đồng giảm 33,543 tỷ đồng (tương đương giảm 22,85%) so với đầu kỳ, trong đó: 100% là nợ phải thu ngắn hạn.

- Công tác xác nhận công nợ: Công ty đã thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty về quản lý công nợ phải thu. Công ty cần lưu ý thực hiện đôn đốc việc ký xác nhận công nợ cuối kỳ..

Công nợ phải trả

- Tổng số nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là: 133,696 tỷ đồng giảm 6,536 tỷ đồng (tương đương giảm 4,66%) so với đầu kỳ, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 115,946 tỷ đồng chiếm 86,72%, nợ phải trả dài hạn 17,749 tỷ đồng chiếm 13,28% tổng số nợ phải trả.

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Các chỉ tiêu tài trợ vốn				
1. Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	29.88	21.06	22.39
2. Vốn chủ sở hữu trên tài sản dài hạn	%	299.29	370.66	492.91
3. Vốn chủ sở hữu trên tài sản cố định	%	396.59	471.69	591.64
Các chỉ tiêu thanh khoản				
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1.19	1.12	1.22
2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.31	1.21	1.42
3. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1.43	1.27	1.29
4. Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	7.02	6.55	3.91
Các chỉ tiêu cân nợ				
		-	-	-

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	70.12	78.94	77.61
2. Nợ phải trả trên NVCSH	%	234.66	374.82	346.55
3. Dư nợ vay trên NVCSH	Lần	0.28	1.65	0.83
Các chỉ tiêu lợi tức		-	-	-
1. Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	1.68	2.57	1.83
2. Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	1.32	1.91	1.45
3. Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2.64	3.29	3.65
4. Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2.07	2.45	2.89
5. Lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	7.63	12.56	15.34

- Đánh giá: Tình hình tài chính của Công ty, năm 2024 Công ty công ty hoạt động có lãi vì vậy Công ty bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Các chỉ số thanh toán của công ty được đảm bảo.

- Nợ phải trả của công ty có xu hướng giảm so với kỳ trước. Hệ số nợ phải trả/VCSH tại thời điểm 31/12/2024 là 3,47 lần giảm so với đầu năm 2024 (giảm 0,28 lần) tuy nhiên vẫn lớn hơn 3 lần, Công ty cần lưu ý quan tâm quản lý các khoản công nợ để đảm bảo an toàn tài chính và hoạt động kinh doanh.

1.4 Đánh giá tình hình đầu tư

- Năm 2024 Công ty thực hiện dự án đầu tư thang máy nhà A với tổng mức đầu tư kế hoạch: 1,5 tỷ đồng nằm trong danh mục đầu tư năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ TN 2024 thông qua. Tổng giá trị giải ngân 1,026 tỷ đồng.

- Trong năm 2024 công ty chỉ thực hiện 1/4 dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ TN 2024 thông qua là dự án đầu tư thang máy nhà A. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2024 của công ty là 1,026 tỷ đồng bằng 18% Tổng KH giải ngân năm 2024.

- Các dự án đầu tư khác đã được phê duyệt trong KH 2024 Công ty chưa thực hiện trong năm 2024 (Đầu tư thang máy nhà B, chuẩn bị đầu tư toà nhà văn phòng tại 414 Nguyễn Văn Cừ, chuẩn bị đầu tư toà nhà văn phòng tại 200/10 Nguyễn Sơn).

- Năm 2024 Công ty không có kế hoạch đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

2. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty:

2.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, không có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ trong việc điều hành quản lý Công ty. Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã ban hành 12 Nghị quyết và 9 Quyết định để chỉ đạo thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và chỉ đạo công tác tổ chức, công tác quản trị điều hành hoạt động kinh doanh tại Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban TGD điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.2 Hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành:

- Năm 2024 Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ TN 2024 và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ

17934
G TY
HÂN
ÁP KH
KHÔNG
V - TP.

các qui định của pháp luật, Điều lệ và qui chế quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

- Ban Tổng giám đốc điều hành đã sử dụng, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước và đem lại hiệu quả trong hoạt động SXKD (LNTT đạt 6,036 tỷ đồng bằng 105,51% KH 2024) và đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLD.

2.3 Về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đã được HĐQT Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cụ thể:

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao năm 2024 cho các thành viên HĐQT và BKS với các mức chi cụ thể cho các đối tượng theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024.

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ TN năm 2024

- Công ty đã thực hiện vượt KH SXKD năm 2024 về lợi nhuận.

2.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán :

- Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải điều chỉnh hay công bố trên BCTC.

III. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban điều hành Công ty:

1. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông

Ban Kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ:

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

- Thông qua các báo cáo và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của HĐQT trình ĐHĐCĐ.

- Về lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không:

+ Trên cơ sở đánh giá: công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC theo các quy định của chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt nam; Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi kiểm toán, thời gian kiểm toán mà Công ty yêu cầu, là đơn vị kiểm toán thuộc danh sách được Bộ tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 theo QĐ số 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2024 của Bộ Tài chính;

+ BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT Công ty quyết định việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt nam
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt

thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2025 của Công ty. Thủ tục, quy trình lựa chọn công ty kiểm toán, tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

2. Kiến nghị Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc rà soát sửa đổi đề trình HĐQT ban hành Quy chế quản lý Hợp đồng kinh tế, quy chế quản lý đầu tư và XDCB và các VBQL khác phù hợp với quy định PL và thực tế hoạt động, kinh doanh của Công ty hiện nay.

3. Kiến nghị Ban Tổng giám đốc:

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các bộ phận liên quan trong việc quản lý công nợ, giảm thiểu công nợ quá hạn, công nợ phải thu khó đòi làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận liên quan, thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế, quy định mà HĐQT và Tổng giám đốc đã ban hành. Đối chiếu và ký xác nhận công nợ với các đối tượng theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty tìm kiếm các đối tác khách hàng mới, tăng doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông, tạo thêm việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động.

IV. Kế hoạch năm 2025 của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện theo quy định, và tập trung vào các nội dung chính sau:

- Giám sát: thông qua các cuộc họp, các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến trong năm 2025 của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến trên cơ sở phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD 2025 của Công ty:

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban Tổng giám đốc.

+ Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý.

+ Thẩm định các BCTC, báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng và năm 2025.

- Thực hiện kiểm tra chuyên đề: do BKS đánh giá và lựa chọn.

- Các công việc khác theo quy định của BKS

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGĐ;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tiến Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số: 12/2025/NQ-ĐHĐCĐ-XNK

Dự thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 12/6/2025/BB-ĐHĐCĐ/XNK ngày 12/6/2025.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình thực hiện SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 và các giải pháp thực hiện; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Cụ thể:

1.1. Thông qua kết quả SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	253.702	330.658	130,33%
Tổng chi phí	247.981	324.621	130,91%
Lợi nhuận trước thuế	5.721	6.036	105,51%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.577	4.772	104,26%
Mức chia cổ tức dự kiến	10%/VĐL	0%/VĐL	0,00%
Tổng vốn đầu tư (giá trị giải ngân)	5.700	1.026	18,00%

1.2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	KH 2025 so với TH 2024
Tổng doanh thu	330.658	275.162	83,22%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	KH 2025 so với TH 2024
Tổng chi phí	324.621	268.558	82,73%
Lợi nhuận trước thuế	6.036	6.604	109,41%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.772	5.242	109,85%
Mức chia cổ tức dự kiến	0%/VĐL	10%/VĐL	-
Tổng vốn đầu tư (giá trị giải ngân)	1.026	6.700	653,02%

Các số liệu chi tiết và diễn giải được nêu tại Kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty kèm theo Tờ trình số 1330/2025/TTr-HĐQT-XNK ngày 28/03/2025 của HĐQT Công ty trình ĐHCĐ Công ty. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế, thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

- Quyết định về thời gian và mức tạm ứng cổ tức năm 2025 trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

1.3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tổng tài sản (31/12/2024) : 172.275.408.667 đồng
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2024) : 38.579.395.710 đồng
- Tổng doanh thu (01/01/2024 - 31/12/2024) : 330.657.630.393 đồng
- Lợi nhuận trước thuế (01/01/2024 - 31/12/2024) : 6.036.365.263 đồng

Các số liệu chi tiết được nêu tại Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

2. Thông qua báo cáo của HĐQT về định hướng hoạt động SXKD của Công ty 5 năm, giai đoạn 2025-2030.

3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2024.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, chi tiết như sau:

- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2024 của Công ty là : 6.036.365.263 đ;
- Thuế TNDN phải nộp năm 2024 : 1.264.512.054 đ;
 - Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN : 4.771.853.209 đ,
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế và 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch) : 516.155.963 đ;
 - Trong đó: + Quỹ khen thưởng : 103.231.193 đ
 - + Quỹ phúc lợi : 412.924.770 đ
 - Trích quỹ thưởng người quản lý : 282.373.333 đ;
- (01 tháng lương, thù lao thực hiện 2024 của Ban điều hành, TV HĐQT và TV BKS)

0107
ÔNG
CỔ PH
T NH
ANG K
BIÊN

Phương án thưởng cụ thể ĐHCĐ giao HĐQT xem xét quyết định.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 : 3.973.323.913 đ;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối những năm trước còn lại : 1.211.304.496 đ;
- Tổng LN sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2024 là : 5.184.628.409 đ;
- Không chi trả cổ tức năm 2024 : 0 đ;
- Lợi nhuận còn lại chưa chia là : 5.184.628.409 đ.

5. Thông qua thực hiện chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025, chi tiết như sau:

- Thực hiện chi thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2024:

- + Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/tháng;
- + Trưởng BKS: 3.450.000 đồng/người/ tháng;
- + Các thành viên BKS: 2.890.000 đồng/người/tháng.

Tổng số tiền thù lao năm 2024 là: 333.480.000 đồng

- Mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2025:

- + Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/người/tháng;
- + Trưởng BKS: 3.450.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên BKS: 2.890.000 đồng/người/tháng.

6. Ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025 (Chi tiết việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025, theo Báo cáo về việc Trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2025 kèm theo Tờ trình số 1330/2025/TTr-HĐQT-XNK ngày 28/03/2025 của HĐQT Công ty).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không giao Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- TGĐ Cty;
- TV BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đào Khắc Hậu



BÁO CÁO

Về Định hướng hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2025-2030
(Kèm theo Tờ trình số 1330 /2025/TTr-HĐQT-XNK ngày 28 /03 /2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

1. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi:

* Tầm nhìn:

Khẳng định vị trí doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không.

* Mục tiêu:

- Sự hài lòng của khách hàng;
- Trở thành sự lựa chọn số một của tất cả các đối tác;
- Xây dựng một môi trường làm việc năng động, sáng tạo và cạnh tranh;
- Tạo ra lợi ích tối ưu cho các cổ đông.

* Giá trị cốt lõi:

AIRIMEX lấy 05 giá trị sau đây là các giá trị cốt lõi:

- Hành động một cách trung thực và minh bạch;
- Luôn nỗ lực để đạt được và chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng sản phẩm và dịch vụ;
- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao;
- Người lao động là tài sản quý giá nhất;
- Coi trọng tính sáng tạo và kết quả trong công việc.

2. Mục tiêu, định hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025-2030:

- Mở rộng thị trường kinh doanh, tăng cường tìm kiếm khách hàng mới ngoài VNA; Tập trung nghiên cứu và triển khai các dự án phát triển lĩnh vực cho thuê văn phòng, cho thuê và quản lý kho; Triển khai các thủ tục gia hạn thuê đất của Công ty tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội; Bổ sung ngành nghề kinh doanh, không ngừng đẩy mạnh phạm vi hoạt động, phát triển vị thế và uy tín của Công ty;

- Chú trọng công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ, nhất là các cán bộ trẻ có năng lực, trình độ; Bố trí đủ cán bộ theo mô hình tổ chức, luân chuyển cán bộ, lao động nhằm phát huy năng lực và nâng cao hiệu quả, chất lượng làm việc của mỗi lao động; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nhanh, hiệu quả những vướng mắc phát sinh, nâng cao năng suất, chất lượng; Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt quản trị tài chính để minh bạch và khách quan mọi hoạt động của công ty, đáp ứng nhu cầu của Công ty niêm yết;

- Xây dựng văn hoá Công ty, nâng cao trình độ ngoại ngữ và kỹ năng làm việc của cán bộ nhân viên;

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy định, quy chế của Công ty;
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng được cải thiện và cổ tức chi trả cổ đông;

3. Kế hoạch sản lượng:

- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ: phần đầu đạt 274,96 tỷ đồng năm 2025, tăng dần qua các năm và đạt 326,28 tỷ đồng năm 2030;
- Doanh thu từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho VNA Group: phần đầu đạt 172,23 tỷ đồng năm 2025, tăng dần qua các năm và đạt 210,02 tỷ đồng năm 2030;

4. Kế hoạch phát triển nguồn lực:

- Số lao động: Số lao động tối đa là 110 người;
- Quỹ lương: duy trì ổn định qua các năm, tối thiểu bằng quỹ lương thực hiện của năm liền trước, gắn liền với kết quả SXKD và NSLĐ.

5. Kế hoạch đầu tư:

Với mục tiêu mở rộng lĩnh vực cho thuê văn phòng, cho thuê và quản lý kho, trong giai đoạn 2025-2030 Công ty cần thiết đầu tư xây dựng mở rộng các toà nhà hiện tại để cho thuê và dự kiến đầu tư xây dựng mới văn phòng cho thuê, cụ thể gồm:

- Tìm kiếm đối tác đầu tư Dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại 414 Nguyễn Văn Cừ: 2 tỷ đồng;
- Tìm kiếm đối tác đầu tư Dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại ngách 200/10 Nguyễn Sơn: 1,5 tỷ đồng;
- Đầu tư các trang thiết bị khác năm 2025: 3,7 tỷ đồng.

Nguồn vốn thực hiện các dự án: từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Đối với 2 dự án đầu tư toà nhà văn phòng, Công ty sẽ căn cứ trên tình hình thực tế để bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2025-2030 cho phù hợp với việc đầu tư 2 dự án và báo cáo ĐHCĐ.

6. Định hướng một số chỉ tiêu SXKD 2025-2030:

Trong giai đoạn 2025-2030, Công ty sẽ phần đầu đạt được:

Stt	Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Doanh thu	275.162	283.484	295.592	310.955	318.366	326.483
2	Chi phí	268.558	276.223	287.612	302.181	308.722	315.808
3	LNTT	6.604	7.260	7.980	8.773	9.644	10.676
4	LNST	5.242	5.767	6.343	6.978	7.675	8.500

7. Kế hoạch hành động, các giải pháp thực hiện kế hoạch trên từng lĩnh vực:

➤ Về tài chính: Nâng cao quản trị rủi ro tín dụng, giảm chi phí hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền, đặc biệt đối với việc kiểm soát tài chính nội bộ. Không ngừng đổi mới phương thức quản lý dòng tiền để thích nghi với xu thế, sự thay đổi chính sách của nhà nước và các biến cố về tài chính thế giới.

100
CƠ
CƠ
IAT
HÀ
V.G.E

➤ Về Chính sách cạnh tranh:

Trong tương lai, có rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài với nguồn vốn dồi dào và kinh nghiệm quản trị tốt gia nhập ngành. Do đó Công ty cần có những chính sách cạnh tranh cụ thể để thích ứng kịp thời. Chính sách cạnh tranh được xây dựng trên cơ sở các yếu tố:

+ Đặt khách hàng vào vị trí trung tâm. Hướng tới việc cung cấp sản phẩm chất lượng, đúng tiến độ. Thực hiện chăm sóc khách hàng sau hoàn thành dịch vụ và thiết lập hệ thống thông tin phản hồi các nhu cầu của khách hàng để kịp thời đưa ra phương án đáp ứng.

+ Duy trì và phát huy sức mạnh về giá trị vô hình của Công ty.

+ Tạo ra giá trị gia tăng đối với sản phẩm, dịch vụ.

➤ Về Chiến lược sản phẩm:

+ Phân đầu để trở thành nhà phân phối, đại diện bán hàng của các hãng sản xuất lớn trên thế giới trong thời gian tới và có giải pháp hiệu quả để duy trì, gia hạn hợp đồng Đại lý/Nhà phân phối đối với những nhà cung ứng mà Công ty đã có quan hệ hợp đồng.

+ Tích cực nghiên cứu phát triển và mở rộng cung cấp sản phẩm, dịch vụ phi hàng không, có nhiều tiềm năng mang lại doanh thu cho Công ty.

+ Cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng, tiến độ. Thực hiện tốt chính sách bảo hành sau bán hàng. Kịp thời lắng nghe các đề nghị của khách hàng để có phương án điều chỉnh phù hợp.

➤ Về tổ chức, nhân sự

+ Hoàn thiện, ổn định tổ chức theo hướng tinh gọn, bố trí sắp xếp, phân công công việc phù hợp với khả năng, sở trường cho từng người lao động, tổ chức lao động khoa học nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc và nâng cao năng suất lao động.

+ Triển khai công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để đảm bảo hiệu quả hoạt động, nâng cao năng suất lao động của người lao động.

➤ Về khách hàng

+ Tăng cường xây dựng, củng cố các mối quan hệ các cấp với các khách hàng quen thuộc, đẩy mạnh công tác đối ngoại, ưu tiên sự hài lòng của khách hàng trong công việc hàng ngày.

+ Đối với mảng ủy thác xuất nhập khẩu, vận chuyển phụ tùng vật tư máy bay: Duy trì các mối quan hệ với khách hàng cũ, đồng thời mở rộng tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đơn vị khác như Vasco, Vietjet Air, Jestar Airway...; Bám sát nhu cầu vận chuyển động cơ, động cơ phụ, càn máy bay, các thiết bị lớn của VNA cũng như các hãng hàng không khác để chào giá, tìm kiếm hợp đồng, tăng doanh thu cho công ty.

+ Mở rộng tìm kiếm các khách hàng mới, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng tiềm năng ngoài ngành hàng không;

8. Kiến nghị đối với TCTHK (là cổ đông lớn của AIRIMEX)

- Có sự hỗ trợ, chính sách liên doanh, liên kết, cùng hợp tác với các đơn vị trong VNA Group, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án tại Sân bay Long Thành.

- Đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ, thanh toán công nợ, giảm chi phí vốn vay;

- Có cơ chế, chính sách để Công ty Airimex có cơ hội tham gia sâu rộng vào việc cung cấp các dịch vụ đầu vào cho các đơn vị trong hệ sinh thái của VNA.

7934
G T Y
PHÂN
IÁP KH
KHÔN
N - TP

Trên đây là toàn bộ báo cáo liên quan đến định hướng hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2025-2030 của Công ty CP XNK Hàng không. Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Khắc Hậu



C. T. C. P. I. N. O. I.



GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không



Tên tôi là :.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....
Cấp ngày/...../..... .Nơi cấp.....
Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần.
Bằng chữ:.....cổ phần
Địa chỉ:
.....

Đăng ký tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025** ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không, tôi xin đăng ký tham dự với số cổ phần biểu quyết là cổ phần.
(Bằng chữ cổ phần). Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần.
- Số cổ phần được uỷ quyền:..... cổ phần.

Tôi xin cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Ngày tháng năm 2025
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông lưu ý: - Vui lòng gửi Đơn đăng ký này kèm với Giấy uỷ quyền (nếu có) về Ban tổ chức Đại hội **trước 17h00 ngày 05/06/2025**.
- Khi đến dự Đại hội các Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền phải mang theo CMND/CCCD (hoặc hộ chiếu) kèm theo Giấy mời.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Tên cá nhân/tổ chức:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....
cấp ngày.....tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:
(Bằng chữ:.....)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Bên B):

Tên cá nhân/tổ chức:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:
(Bằng chữ:.....)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không vào ngày 12 tháng 6 năm 2025
- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết theo chỉ thị của bên A về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên với.....cổ phần mà bên A sở hữu.

THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không được tổ chức vào ngày 12 tháng 6 năm 2025.

NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

- Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết để bên B thực hiện công việc ủy quyền.
- Bên B có nghĩa vụ thực hiện đúng công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B, nếu vượt quá phạm vi công việc được ủy quyền bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh.;
- Bên B có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho bên A về các vấn đề phát sinh tại cuộc họp để bên A đưa ra chỉ thị về việc biểu quyết. Nếu không có sự phản hồi của bên A, bên B có thể biểu quyết theo ý chí của mình về các vấn đề đó mà không cần sự đồng ý của bên A.
- Bên B không được ủy quyền cho bên thứ 3 về việc thực hiện các công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B thực hiện.

Bên nhận ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾: Số cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt 28/03/2025



Tên tôi là :.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu

SO:

Cấp ngày...../...../..... Nơi cấp

Số cổ phần sở hữu:cổ phần (Bằng chữ:cổ phần)

Địa chỉ:.....

Sau khi nghiên cứu những nội dung cơ bản của Đại hội, tôi có đóng góp ý kiến như sau:

[illegible]

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quý cô đồng lưu ý gửi Phiếu đóng góp ý kiến về Ban tổ chức trước 17 h ngày 05/06/2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:.....

Họ và tên đại biểu:.....

Số lượng cổ phần sở hữu:.....cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết:.....cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:.....

Họ và tên đại biểu:.....
Số lượng cổ phần sở hữu:.....cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....cổ phần
Tổng số lượng cổ phần biểu quyết:.....cổ phần
(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về kết quả SXKD năm 2024.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về kế hoạch năm 2025 và các giải pháp thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về định hướng hoạt động SXKD của Công ty 5 năm giai đoạn 2025-2030.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2024.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2024.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty trong năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn: Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết (Lựa chọn phương án nào đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô thuộc phương án đó).

Ngày tháng năm 2025
ĐẠI BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)